

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Mã chứng khoán SD9
Mã số doanh nghiệp: 0100845515
Số: 09/TB-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 trân trọng kính mời toàn thể Quý Cổ đông SD9 tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (ĐHĐCĐ), chi tiết như sau:

- Thời gian:** 8h00 phút ngày 24 tháng 04 năm 2026 (Thứ sáu).
- Địa điểm:** Trụ sở chính Công ty;
 - Hội trường tầng 9, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội.
- Thành phần tham dự Đại hội:** Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 và/hoặc người đại diện được cổ đông ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật, căn cứ danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/3/2026 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Chương trình và tài liệu họp:** Chương trình và tài liệu họp được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.songda9.com (Mục: Nhà Đầu Tư → Đại hội đồng cổ đông).
- Trường hợp không thể tham dự:** Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự (có thể sử dụng mẫu ủy quyền đính kèm hoặc tự lập theo quy định của pháp luật).
- Quý cổ đông/người được ủy quyền đến dự đại hội xuất trình giấy tờ sau:**
(1) Thông báo mời họp; (2) CCCD/hộ chiếu (bản gốc); (3) Giấy ủy quyền (bản gốc nếu là người được ủy quyền).
- Thông tin liên hệ:**
Mọi thông tin cần hỗ trợ, đề nghị liên hệ:
 - Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần Sông Đà 9
 - Địa chỉ: Tòa Nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội
 - Email contact@songda9.com
 - Điện thoại: 0243.7683746

Trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông tham dự!

Nơi nhận:

Như kính gửi;
Lưu HĐQT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thế Quang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

1. Người ủy quyền:

- **Tên cổ đông:**.....

GCNDN (CCCD/ Hộ chiếu.....cấp ngày/...../.....tại.....

là cổ đông(hoặc đại diện pháp nhân của cổ đông):.....

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu:.....

2. Người nhận ủy quyền:

Họ và tên:

Số CCCD:..... cấp ngày:...../...../..... Tại.....

Hoặc Ủy quyền cho thành viên HĐQT Công ty SD9, có tên sau:

+ Ông Trần Thế Quang - Chủ tịch HĐQT ☐

+ Ông Nguyễn Hải Sơn - TV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty ☐

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 và được quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 24/04/2026.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

Hà Nội, tháng 4 năm 2026



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Tổ chức ngày 24/4/2026, tại Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9)

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
I	Thủ tục, nghi thức tiến hành đại hội		
	8h00 - 8h20	Đón tiếp cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu	Ban tổ chức
II	Nội dung chính của Đại hội		
1	8h20- 8h30	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu; Khai mạc và giới thiệu đại biểu - Mời Ban chủ tọa đại hội lên làm việc.	Ban tổ chức
2	8h30 -8h40	- Ban Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội và đề cử Ban Kiểm phiếu. - Thông qua chương trình của Đại hội.	Ban chủ tọa
3	8h40 -8h50	- Thông qua quy chế đại hội, quy chế bầu cử.	Ban chủ tọa
4	8h50 - 9h30	Nội dung 1: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	Tổng giám đốc
		Nội dung 2: Tờ trình của HĐQT về kết quả báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.	
		Nội dung 3: Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026.	HĐQT
		Nội dung 4: Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2025, chương trình hoạt động năm 2026. Nội dung 5: Tờ trình của Ban kiểm soát về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.	BKS
5	9h30 - 10h15	Nội dung 6: Tờ trình của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025	Ban Chủ tọa
		Nội dung 7: Tờ trình của HĐQT thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS, năm 2025; phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026.	
		Nội dung 8: Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.	
		Nội dung 9: Tờ trình nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031. - Ý kiến phát biểu, thảo luận và giải đáp các ý kiến đóng góp của Cổ đông.	BCT, CD
6	10h15 - 10h45	- Biểu quyết thông qua các báo cáo. - Bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2026-2030.	Ban Chủ tọa
		- Nghi giải lao.	
7	10h45 - 11h00	- Thông qua Biên bản kiểm phiếu các nội dung Đại hội.	Ban kiểm phiếu
III	Tổng kết đại hội		
1	11h - 11h30	- Trình bày biên bản, nghị quyết đại hội, biểu quyết thông qua biên bản, nghị quyết đại hội	Ban thư ký
2		- Tuyên bố bế mạc đại hội.	BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2026 được thực hiện theo quy chế sau đây:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là Đại hội).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thành công và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 30/03/2026 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ .
2. Quyền của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp Đại

hội bằng văn bản.

b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.

d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết** sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

e. Cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a. Cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tham dự Đại hội phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại **Thông báo mời họp** và đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

b. Ăn mặc lịch sự, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.

c. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo Điều 12 của quy chế này, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.

d. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường trong Đại hội.

g. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

h. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa Đại hội:

1. Ban Chủ tọa gồm Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua có chức năng điều khiển Đại hội

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty*) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định

nếu nhận thấy rằng:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:

1. Ban Thư ký gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chủ tọa cử.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Ban chủ tọa bao gồm: Ghi chép biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp khác theo phân công của Ban chủ tọa.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách như Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

2. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp **Phiếu biểu quyết** và các tài liệu họp liên quan khác;

3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm: Trước khi khai mạc Đại hội;

4. Thực hiện các công việc khác do Chủ tọa Đại hội phân công.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua;

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng **Phiếu biểu quyết** thể thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.

3. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;

4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 30/03/2026.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết như quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết, Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 10. Thông qua Nghị quyết của Đại hội

1. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Điều 10.2, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 11. Phiếu biểu quyết

1. **Phiếu biểu quyết** phải đóng dấu treo của Công ty do Ban tổ chức Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.

2. Giá trị biểu quyết của **Phiếu biểu quyết** tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội.

Điều 12. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Việc biểu quyết các nội dung không ghi trong Phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng giơ tay tại Đại hội.

2. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến và được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký xác nhận và cho vào hòm phiếu.

3. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- **Phiếu biểu quyết** không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- **Phiếu biểu quyết** không có dấu treo của Công ty;
- **Phiếu biểu quyết** bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
- **Phiếu biểu quyết** không đánh dấu phương án nào;
- **Phiếu biểu quyết** có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ;

4. Cách tính kết quả nội dung biểu quyết: Số cổ phần biểu quyết **chia cho** số cổ phần tham dự đại hội (*chia cho số phiếu phát ra tương ứng với số cổ phần*).

Điều 13. Quy định về kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu:

1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

a. Ban kiểm phiếu làm việc trong một phòng hoặc khu vực riêng dưới sự giám sát của HĐQT công ty.

b. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc khi cần thiết.

c. Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.

d. Niêm phong toàn bộ phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho HĐQT.

2. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

b. Nội dung biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ công ty.

c. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng ban Kiểm phiếu, Người đại diện theo pháp luật, Chủ tọa Đại hội và đại diện cổ đông.

Điều 14. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Đại hội thống nhất tổng thời gian phát biểu của một cổ đông không quá 05

phút, nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi tới Ban Thư ký và Ban chủ tọa sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 15. Biên bản Đại hội

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 16. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi Đại hội bế mạc.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 17 điều, được đọc công khai tại đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Quang

Trần Thế Quang

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ
2026 -2031 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Đại hội) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) công ty nhiệm kỳ 2026-2031 theo các nội dung sau đây:

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền tại thời điểm chốt danh sách ngày 30/03/2026 tham dự Đại hội đều có quyền tham gia bầu cử.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT, BKS:

1. Theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 9, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của 05 công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp, Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

f. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 3. Điều kiện để ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

Tham chiếu Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020, khoản 2 Điều 24 Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty.

1. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát Công ty cổ phần

Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào HĐQT/BKS Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:

- Bầu cử đúng quy định của pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này.

- Bầu cử công khai đảm bảo dân chủ và quyền hợp pháp của cổ đông.

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Phương thức bầu cử :

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (*bằng số cổ phần nhân (x) với số thành viên được bầu*);

2. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

3. Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

4. Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.

- Gạch tên ứng cử viên.

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa.

- Viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Tổng số cổ phần bầu cho thành viên được bầu lớn hơn số cổ phần biểu quyết của cổ đông sở hữu.

- Phiếu bầu có số thành viên được bầu vượt quá số lượng thành viên phải bầu.

- Phiếu bầu không đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

5. Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát HĐQT và đại diện cổ đông.

6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa Đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử:

1. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031, BKS nhiệm kỳ 2026-2031: Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại điều lệ công ty

2. Trường hợp có từ 2 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng HĐQT/BKS thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu/đại diện sở hữu nhiều cổ phần SD9 hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/03/2026. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ngang nhau hoặc tất cả ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau để chọn.

Điều 7. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu, nội dung biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung chính như sau: Ban kiểm phiếu, danh sách đề cử, tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu và danh sách trúng cử.

2. Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 8 điều, được đọc công khai tại đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Trần Thế Quang

Số: 75/BC-2026

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025

I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- **Tổng giá trị SXKD:** Toàn tổ hợp đạt 630 tỷ/650 tỷ đạt 97% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 494 tỷ/520 tỷ đạt 95%KH năm, tăng 64% so với cùng kỳ 2024 (301 tỷ).
- **Doanh thu:** Toàn tổ hợp đạt 525 tỷ/620 tỷ đạt 85% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 398 tỷ/500 tỷ đạt 80%KH năm, tăng 32% so với cùng kỳ 2024 (302 tỷ).
- **Lợi nhuận trước thuế:** Toàn tổ hợp đạt 83 tỷ/80 tỷ đạt 104% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 33,67 tỷ/33,49 tỷ đạt 101%KH năm, tăng 26% so với cùng kỳ 2024 (26,75 tỷ).
- **Các khoản nộp Ngân sách nhà nước:** Toàn tổ hợp đạt 86 tỷ/89 tỷ đạt 97% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 45 tỷ/55 tỷ đạt 81%KH năm, tăng 45% so với cùng kỳ 2024 (31 tỷ).

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
			Tổ hợp	Cty mẹ	Tổ hợp	Cty mẹ	Tổ hợp	Cty mẹ
A	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	650	520	630	494	97	95
1	Giá trị xây lắp	“	283	283	248	248	88	88
2	Sản xuất công nghiệp	“	318	190	331	200	104	105
3	Giá trị kinh doanh khác	“	50	47	51	46	103	97
B	Các chỉ tiêu tài chính							
1	Doanh thu	“	620	500	525	398	85	80
3	Nộp ngân sách	“	89	55	86	44	97	79
4	Lợi nhuận trước thuế	“	80	33,5	83,1	33,7	104	101
5	Lợi nhuận sau thuế	“	64,4	26,8	70,5	31,2	109	117
6	Đầu tư	“	9	4	3,2	2,2	36	56
7	Cổ tức	%		6		6		100

II. Chi tiết sản lượng và tiến độ công trình năm 2025:

1. Công trình Yên Xá (gói 4):

a. Về giá trị:

- Giá trị thực hiện đạt: 42,6 tỷ/46,3 tỷ đạt 92%KH.

b. Tiến độ thực hiện:

- Hoàn thành 01 nhịp kích ngàm D1000 từ 43.0 - 43.4 đường Phùng Hưng; Đang triển khai các giếng còn lại trên tuyến D800 Trần Phú để tiếp tục tiến hành khoan kích từ tháng 1/2026;
- Hoàn thành thi công tuyến cống chính D315 tuyến Thanh Bình B, đang hoàn thiện các hố ga, giếng tách và phạm vi đầu nối.
- Đoạn còn lại tuyến D1000 Phùng Hưng, D800 Phan Trọng Tuệ, D1200 Phạm Tu chưa thể triển khai thi công do chưa xin được cấp phép thi công;
- Liên danh đang tiến hành các thủ tục ký Phụ lục hợp đồng với thời gian hoàn thành đến 31/12/2027.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Hiện trường thi công chật hẹp, nhà thầu phụ triển khai thi công chậm theo kế hoạch ban đầu.
- Công tác xin cấp phép, xử lý phân luồng giao thông còn chậm.
- Phải xử lý gia cố nhiều do ảnh hưởng của mưa bão.

2. Hồ chứa nước Cánh Tạng:

a. Về giá trị:

- Giá trị thực hiện đạt: 27 tỷ/21,8 tỷ đạt 125%KH.

b. Tiến độ thực hiện:

- Hoàn thành công tác thi công, công tác quyết toán và bàn giao công trình đúng kế hoạch.

3. Công trình Phố Yên

a. Về giá trị:

- Giá trị thực hiện đạt: 114 tỷ/124 tỷ đạt 92%KH.

b. Tiến độ thực hiện:

- Cơ bản hoàn thành khối lượng xây lắp công trình.
- Công tác đào, đắp san nền lòng hồ cảnh quan dự án chậm 15 ngày so với tiến độ ban đầu được duyệt.
- Công tác xây lát kè mái hồ, cầu cảnh quan chậm 45 ngày so với tiến độ ban đầu được duyệt.
- Công tác thi công các hạng mục thoát nước mưa cơ bản đáp ứng theo mốc tiến độ chung đã xây dựng.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Công tác huy động nhân lực, thiết bị của BDH giai đoạn đầu còn chậm.

- Vương mắc về thiết kế, hiệu chỉnh thiết kế tại dự án còn chậm, chưa kịp thời.
- Ảnh hưởng của thời tiết, mưa lớn kéo dài ảnh hưởng đến công tác thi công cơ giới trong giai đoạn đầu triển khai từ tháng 5/2025-:-8/2025.
- Công tác GPMB của Chủ đầu tư một số phạm vi còn chậm, ảnh hưởng tới quá trình triển khai dự án.

4. Công trình Núi Pháo

- Cung cấp thiết bị: Thực hiện đạt 15 tỷ/9,7 tỷ đạt 155% KH năm.
- Công tác cung cấp dịch vụ, cho thuê xe máy thiết bị đạt yêu cầu.

5. Công trình kè Tây Giang

a. Về giá trị:

- Sản lượng thực hiện đạt: 23 tỷ/26,9 tỷ đạt 86%KH năm.

b. Tiến độ thực hiện:

- Hoàn thành công tác thi công tường kè gia cố trước 30/9/2025.
- Hoàn thành công tác thi công bê tông xương dầm mái cơ; Hoàn thành công tác lát cầu kiện đúc sẵn loại 2 và Hoàn thành công tác thi công mặt đường cơ 1, cơ 2 ngày 31/12/2025.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Nhân lực chưa đảm bảo huy động theo kế hoạch, không duy trì được lượng nhân lực khi mưa kéo dài.
- Nguồn vật liệu cung cấp cho thi công còn hạn chế do điều kiện các mỏ tại địa phương.
- Ảnh hưởng yếu tố thời tiết, khu vực thi công chân kè bị ảnh hưởng do mưa lũ tại dự án.

6. Thủy điện PaKe:

a. Về giá trị:

- Đào giảm tải vai phải đạt 5,9 tỷ/10,5 tỷ đạt 57% KH năm.
- Khắc phục sau mưa lũ năm 2024 đạt 12,7 tỷ/11,7 tỷ đạt 108% KH năm.

b. Tiến độ thực hiện

- Hoàn thành công tác đào giảm tải từ cao độ +280 xuống cao độ +257; Hoàn thành thi công phun vữa gia cố mái phạm vi còn lại và mặt cơ phạm vi trên cao độ +280m.
- Gia cố mái taluy âm đường VH1: Hoàn thành thi công phạm vi sạt lở đến cao độ nền đường VH1; thi công bê tông lan can và hộ lan phạm vi gia cố; kết thúc công tác thi công bê tông gia cố.
- Gia cố mái VH2: Hoàn thành thi công hàng rào bảo vệ trên đường VH2 phạm vi khu vực nhà máy.
- Hoàn thành thi công xử lý cắt nước trên đỉnh vai trái.
- Hoàn thành lắp đặt máy phát điện Diesel dự phòng trên đỉnh đập.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Do đường vào công trường bị sạt lở nên việc cung ứng vật tư vật liệu vào công trường khó khăn, ngoài ra đơn vị vừa thi công vừa ưu tiên duy trì sản xuất điện.

7. Thủy điện Nậm Khánh:

a. Về giá trị:

- Khắc phục sau mưa lũ năm 2024 đạt 6,4 tỷ/4,9 tỷ đạt 130% KH năm.

b. Tiến độ thực hiện

- Đường TC8: Hoàn thành xếp tường rọ đá
- Gia cố mái trạm OPY: Hoàn thành thi công tường chắn gia cố đến cao độ +523m/TK 523.5m; đắp đất hoàn trả đến cao độ tường chắn bê tông.
- Hoàn thành thi công bê tông gia cố kênh Nậm Mù theo thiết kế.

8. Sản xuất công nghiệp

- Tổng giá trị sản lượng điện đạt 200tỷ/190 tỷ đạt 105%KH năm với sản lượng điện đạt 163 triệu kw/143,5 triệu kw.

9. Cho thuê văn phòng, cho thuê XMTB đạt 13,4 tỷ/10,8 tỷ đạt 124% KH năm.

10. Thanh lý tài sản và hoạt động tài chính đạt 32,2 tỷ/36,4 tỷ đạt 88% KH năm

Đã hoàn thành thanh lý TSCĐ lô 1, lô 2; đang thẩm định giá lô 3.

III. Kiểm điểm tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

3.1. Những mặt đã làm được:

3.1.1 Công tác kỹ thuật, an toàn lao động, vệ sinh môi trường

- Công tác kỹ thuật chất lượng năm 2025 nhìn chung đạt kết quả tích cực; nhiều dự án hoàn thành kế hoạch như: Dự án Cánh Tạng, Phở Yên, các hạng mục xử lý sau bão năm 2024 tại nhà máy Pake, Nậm Khánh. Các nhà máy thủy điện hoạt động an toàn, hiệu quả.
- Đã tổ chức tốt bộ máy chỉ huy tại các công trường, đảm bảo đôn đốc, thực hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh xảy ra, đảm bảo tiến độ thi công.
- Tiếp tục áp dụng và cập nhật bổ sung hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 45001:2018, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
- Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác đảm bảo ATLĐ - VSMT tại các công trường, an toàn vận hành các nhà máy thủy điện. Thực hiện tốt 5S tại các nhà máy thủy điện.
- Năm 2025 không để xảy ra vụ tai nạn lao động nặng trở lên, người lao động đã cơ bản nhận thức được tầm quan trọng của công tác ATLĐ.

3.1.2 Công tác kinh tế

- Công tác kinh tế được triển khai hiệu quả, góp phần hoàn thành 95% kế hoạch SXKD và 101% kế hoạch lợi nhuận năm 2025.
- Công tác lập và theo dõi kế hoạch SXKD được thực hiện kịp thời, phục vụ điều

hành.

- Đã xây dựng kế hoạch SXKD 5 năm 2026-2030 trên cơ sở định hướng TCT và tiềm năng các ngành nghề hiện nay trên thị trường.
- Kiểm soát công tác ký kết các hợp đồng trong toàn Công ty theo đúng quy định phân cấp quản lý hợp đồng của TCT, Công ty và pháp luật hiện hành;

3.1.3 Công tác tài chính, kế toán

* Công tác tài chính tín dụng:

- Đã xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm và công bố thông tin qua SGDCK và UBCKNN theo đúng quy định;
- Xây dựng kế hoạch huy động vốn để áp dụng vốn cho hoạt động SXKD, kế hoạch tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính có hiệu quả, đảm bảo tăng cường tiết kiệm trong chi phí hạ giá thành, tăng nhanh tích lũy nội bộ; Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, tổ chức thanh toán tiền bán hàng, thu hồi công nợ khách hàng, thu tiền về tài khoản đạt 106% KH.
- Công tác thoái vốn các khoản đầu tư chưa được như kế hoạch do chưa tìm được các nhà đầu tư; Căn cứ vào chế độ của Nhà nước và quy định của Tổng công ty Sông Đà và công ty để kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về dự toán, định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh; Cùng các phòng, ban liên quan tham gia các gói đấu thầu công ty.

* Công tác kế toán:

- Tổ chức bộ máy kế toán công ty đến công trình và chi nhánh phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy công ty; Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán; Tham gia đàm phán, dự thảo các hợp đồng của Công ty; Quản lý chi phí các công trình giao khoán trực thuộc Công ty;
- Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2018 (10%) cho các cổ đông;
- Hoàn thành chi trả lương và đóng BHXH cho người lao động kịp thời.
- Thông qua báo cáo tài chính và theo dõi tình hình quản lý kinh tế tài chính ở đơn vị trực thuộc; Kiểm tra tính trung thực của báo cáo kế toán và quyết toán tài chính của các đơn vị trực thuộc trong Công ty; Hoàn thành công tác thanh tra thuế và kiểm toán độc lập.
- Tổ chức đào tạo sử dụng phần mềm kế toán mới - phần mềm Misa áp dụng từ ngày 01/01/2026.
- Số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2025 giảm so với thời điểm 31/12/2024, tương ứng đạt tỷ lệ 90% (nợ phải thu) và 85% (nợ phải trả). Các công trình có phát sinh công nợ phải thu trong năm đã được công ty thu hồi toàn bộ theo đúng tiến độ thu vốn của Hợp đồng.

3.1.4 Công tác tổ chức, nhân sự, công nghệ thông tin:

- Công tác tổ chức, cán bộ và thực hiện chế độ chính sách cho NLĐ: Ổn định bộ

máy nhân sự và đáp ứng yêu cầu SXKD. Thực hiện đánh giá mô hình tổ chức giai đoạn 2023-2025 làm cơ sở xây dựng mô hình tổ chức công ty đến năm 2030. Sắp xếp nhân lực, phân công nhiệm vụ rõ ràng, thực hiện đầy đủ chính sách, tiền lương, BHXH và các phúc lợi cho người lao động. Công tác đào tạo, tuyển dụng được đẩy mạnh với 217 lượt đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng chuyển đổi số.

- Công tác tuyển dụng, nghỉ việc: trong năm 2025 Công ty tuyển dụng 40 người; nghỉ việc 30 người; nghỉ hưu trí 01 người.
- Công tác Công nghệ thông tin: Quản lý hệ thống website, fanpage, email của Công ty theo quy định; triển khai phần mềm Base, chữ ký số, hệ thống NAS lưu trữ tập trung; duy trì hệ thống mạng internet, server, phần mềm SmartOffice, camera đảm bảo công tác SXKD và an ninh tại đơn vị. Công tác truyền thông nội bộ và tuyên truyền các sự kiện được duy trì kịp thời.

3.1.5 Công tác quản lý thiết bị, vật tư

- Trong năm đã tổ chức thanh lý 59/101 thiết bị theo kế hoạch được duyệt, thu hồi 10,2 tỷ đồng. Đảm bảo duy động, sửa chữa XMTB phục vụ thi công các công trình Phổ Yên, Tây Giang; quản lý cho thuê thiết bị đạt kế hoạch, thực hiện điều chuyển, bố trí thiết bị kịp thời theo nhu cầu sản xuất.

3.1.6 Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

- Trong năm công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm được chú trọng hàng đầu, công ty đã tập trung đấu thầu các lĩnh vực thế mạnh như hạ tầng, đê kè; duy trì quan hệ với các Chủ đầu tư sử dụng vốn Nhà nước và mở rộng tiếp cận các Chủ đầu tư nước ngoài.
- Năm 2025 công ty đã tham gia 09 gói thầu trong đó 04 gói tham gia với tư cách là nhà thầu độc lập, 04 gói tham gia với vai trò là thành viên đứng đầu liên danh/thành viên liên danh và 01 gói tham gia với tư cách là nhà thầu phụ. Kết quả Trúng thầu 01 gói thầu với giá trị ~124 tỷ, Trượt thầu: 06 gói, trong đó 03 gói thầu có giá dự thầu kém cạnh tranh hơn so với nhà thầu trúng thầu, 03 gói thầu không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật; Đang đánh giá HSDT: 02 gói (trong đó 01 gói đứng thứ nhất về giá và 01 gói đứng thứ hai về giá).

3.1.7 Công tác sản xuất công nghiệp:

- Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện đúng quy trình, an toàn, hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo quán triệt công tác chăm sóc, bảo dưỡng, giữ gìn máy, thiết bị tốt sẵn sàng phát điện với công suất cao nhất để đạt kết quả sản xuất kinh doanh đã đề ra; Năm 2025 hoàn thành 105% giá trị sản lượng điện các nhà máy.
- Chỉ đạo khẩn trương khắc phục các sự cố sau bão số 3 năm 2024 và bão năm 2025 như dọn dẹp hiện trường, xúc dọn các vị trí xói lở, gia cố tạm thời đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; Rà soát tất cả các hệ thống vận hành, đảm bảo an toàn cho các nhà máy trong thời gian sau bão; Làm việc với tư vấn đưa ra các giải pháp sửa chữa, gia cố những vị trí có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro, tiến hành gia

cố bền vững công trình; Làm việc với các đơn vị bảo hiểm công trình để đánh giá thiệt hại và phương án bồi thường cho 2 nhà máy Pake, Nậm Khánh sau bão.

3.1.8 Công tác đầu tư dự án xây dựng công trình

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống điện mặt trời mái toà nhà Sông Đà 9 từ tháng 9/2025; công suất 80kW.
- Dự án Điện mặt trời nổi mặt hồ thủy điện Pake có công suất 15MW, đã được tỉnh Tuyên Quang bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2030. Thời gian thực hiện dự án trong 02 năm 2026-2027. Tổng mức đầu tư dự kiến là 298 tỷ đồng.

3.2. Những nhiệm vụ còn tồn tại:

3.2.1 Công tác kinh tế, kỹ thuật:

- Tiến độ thi công một số công trình chưa đáp ứng kế hoạch; Công tác quyết toán tại một số công trình còn chậm, chưa kịp thời (Xekaman 1, Xekaman 3, F2, Tuyên Quang, Nhà Quốc Hội). Công tác quyết toán giá trị các dự án do Tổng công ty làm tổng thầu còn chậm, do hồ sơ quyết toán kéo dài nhiều năm, công tác tập hợp hồ sơ chứng từ để đối chiếu gặp nhiều khó khăn.
- Công tác kỹ thuật, chất lượng tại một số dự án còn thiếu sự giám sát sâu sát, dẫn đến một số gói thầu chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch (Phổ Yên, Tây Giang).
- Việc kiểm soát hợp đồng, rủi ro pháp lý và tiến độ nghiệm thu hồ sơ ở một số công trình còn thiếu tính chủ động; có thời điểm vẫn để xảy ra tình trạng hồ sơ tồn đọng, hoàn thiện chậm.
- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận, cán bộ trẻ am hiểu công nghệ số, BIM, quản trị hiện đại chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn cán bộ có khả năng đảm đương vai trò chỉ huy trưởng, quản lý dự án còn mỏng

3.2.2 Công tác quản lý cơ giới, vật tư: Tiến độ thanh lý 52 XMTB còn lại còn chậm, công tác kiểm soát chi phí vật tư, phụ tùng cần siết chặt hơn để giảm hao hụt và nâng cao hiệu quả khai thác XMTB.

3.2.3 Công tác tài chính, kế toán: Chưa hoàn thành công tác thoái vốn các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác; công tác quyết toán công trình, thu hồi công nợ còn chậm, chưa đồng bộ dẫn đến ảnh hưởng đến dòng tiền chung của công ty.

3.2.4 Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm: Tuy có chuyển biến tích cực nhưng tỷ lệ trúng thầu còn thấp (tổng giá trị trúng thầu: 124 tỷ/2.700 tỷ giá trị các gói thầu tham gia), một phần do hạn chế về thiết bị và năng lực nhân sự lĩnh vực hạ tầng; công tác chuẩn bị nguồn lực cho đấu thầu ở một số gói chưa chủ động.

3.2.5 Công tác chuyển đổi số: Tuy đã triển khai nhưng mức độ áp dụng chưa đồng đều, chưa tạo được sức ép và động lực đủ mạnh để thay đổi thói quen làm việc thủ công của một bộ phận cán bộ.

3.2.6 Công tác đầu tư: Tiến độ chuẩn bị một số dự án đầu tư còn chậm, phụ thuộc nhiều vào thủ tục, chưa chủ động được các bước tham mưu, đề xuất.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD	
			Tổ hợp	Công ty mẹ
A	Tổng giá trị SXKD	10⁹đ	700	570
I	Giá trị xây lắp	“	345	345
-	Công trình chuyển tiếp và đã có HĐ	“	267	267
-	Công trình tìm kiếm mới và dự kiến ký HĐ	“	78	78
II	Sản xuất công nghiệp	“	317	190
III	Phục vụ xây lắp	“	39	35
B	Các chỉ tiêu tài chính			
1	Doanh thu	“	707	586
2	Nộp ngân sách	“	85	50
4	Lợi nhuận trước thuế	“	83,9	36,9
5	Lợi nhuận sau thuế	“	67,1	29,5
6	Đầu tư	“	35	20
7	Cổ tức	%		7

II. Chi tiết mục tiêu, tiến độ các công trình năm 2026:

1. Công trình Yên Xá (gói 4):

- Kế hoạch sản lượng 248 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ chính:
- * Đào mở và kênh xả:
- + Hoàn thành công tác thi công tuyến Thanh Bình A ngày 31/3/2026, Thanh Bình B ngày 15/4/2026 và Thanh Bình C ngày 31/7/2026.
- + Hoàn thành thi công đầu nối giếng tách hố ga 43.1 ngày 25/10/2026 và 43.4 ngày 25/10/2026.
- + Hoàn thành thi công tuyến kênh xả và Cổng hợp Kim Giang ngày 18/8/2026.
- * Tuyến khoan kích:
- + Tuyến D800 Trần Phú: Hoàn thành công tác thi công kích ống ngày 17/7/2026, hố ga và hoàn trả mặt bằng ngày 15/9/2026.
- + Tuyến D1000 Phùng Hưng - Cầu Bươu: Hoàn thành công tác thi công đến giếng 45.0 ngày 26/10/2026; kích đến giếng 44.3 ngày 20/11/2026.
- + Tuyến D1200 Phạm Tu: Hoàn thành công tác thi công các giếng trên đường Phạm Tu từ 46.2 - 46.7, kích ống xong từ 46.5-14.0 ngày 31/12/2026.
- + Tuyến D800 Phan Trọng Tuệ: có giấy phép thi công ngày 15/7/2026 và hoàn thành thi công giếng 2 nhíp 46.0/2/0-46.0/3/2, kích 1 nhíp 46.0/2/0 - 46.0/2/3 ngày 14/12/2026.

2. Dự án Núi Pháo

- Kế hoạch sản lượng: Cung cấp thiết bị 15 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Cung cấp thiết bị đáp ứng đơn hàng yêu cầu của chủ đầu tư.

3. Công trình kè Tây Giang:

- Hoàn thành thi công công trình trước 20/3/2026.
- Hoàn thành và bàn giao công trình trước 30/4/2026

4. Công viên, hồ điều hòa TP Phổ Yên - Thái Nguyên

- Hoàn thành thi công công trình trước 31/1/2026.
- Hoàn thành và bàn giao công trình trước 31/3/2026.

5. Khắc phục sau mưa bão năm 2025 - Thủy điện PaKe:

- Kế hoạch sản lượng: 6,7 tỷ đồng
- Mục tiêu tiến độ:
- + Hoàn thành công tác gia cố mái hạ lưu vai phải đập trước 31/5/2026.
- + Hoàn thành đổ bê tông gia cố mái kênh xả hạ lưu vai trái nhà máy trước 30/4/2026.

6. Khắc phục sau mưa bão năm 2025 - Thủy điện Nậm Khánh:

- Hoàn thành sửa chữa các hạng mục sau mưa lũ 2025, sản lượng 1,0 tỷ đồng.

7. Dự án điện mặt trời trên lòng hồ thủy điện Pake

- Kế hoạch động thổ/khởi công: Quý IV/2026.

8. Sản xuất công nghiệp

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 317 tỷ đồng (Nậm Khánh 54 tỷ, Pake 136 tỷ, Nậm Mu 127 tỷ đồng).
- Giá trị sản lượng điện: 291 triệu kw (Nậm Khánh 42,9 triệu kw; Pake 100,6 triệu kw, Nậm Mu 147,5 triệu kw).

9. Cho thuê văn phòng, cho thuê XMTB, thanh lý TSCĐ, hoạt động tài chính và hoạt động khác: 38,6 tỷ đồng.

10. Dự kiến Thi công các công trình tìm kiếm mới và dự kiến ký hợp đồng

10.1. Công trình Long Phú

- Kế hoạch sản lượng 40 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ:
- + Hoàn thành công tác thi công đào nền, gia cố lòng bãi thải xỉ trước 31/5/2026.
- + Hoàn thành công tác đắp đê bao lòng bãi thải xỉ, bao gồm cả bù lún đến cao trình thiết kế trước 30/6/2026.

10.2. Công trình Tân Thượng

- Kế hoạch sản lượng 38 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ:
- Hoàn thành thi công cụm công trình đầu mối (đập tràn, đập dâng) xong trước 31/7/2026.
- Hoàn thành thi công bê tông kênh dẫn, bể áp lực xong trước 31/12/2026.
- Hoàn thành thi công Cửa nhận nước, nhà máy phần ngầm cao trình +595.00m trước 31/12/2026.

III. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

- Tập trung nguồn lực, đảm bảo hoàn thành các kế hoạch năm 2026.
- Đảm bảo công tác quản lý, vận hành an toàn các nhà máy thủy điện.
- Đẩy mạnh mở rộng danh mục đầu tư các dự án mới: điện mặt trời trên hồ thủy điện PaKe, và các dự án khác.
- Tăng cường công tác thị trường, đấu thầu và tìm kiếm việc làm mới. Mở rộng mạng lưới đối tác, nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng các lĩnh vực hạ tầng, môi trường, năng lượng; cải thiện chất lượng hồ sơ và hiệu quả trúng thầu.
- Đẩy nhanh tiến độ thi công, bảo đảm an toàn, chất lượng, hiệu quả. Kiểm soát chặt chẽ thi công tại công trình; ứng dụng BIM trong kiểm soát khối lượng, chi phí, tiến độ; giảm thiểu rủi ro do thủy văn và thời tiết.
- Đổi mới mô hình tổ chức, phân công, phân quyền rõ ràng. Tinh gọn bộ máy, chuẩn hóa vị trí việc làm, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; áp dụng cơ chế đánh giá gắn với KPI và hiệu quả công việc
- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện. Số hóa quy trình quản lý; liên thông dữ liệu giữa các phòng/ban; triển khai dashboard điều hành và tăng cường năng lực số cho đội ngũ.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phòng ngừa rủi ro. Kiểm soát các lĩnh vực trọng yếu: đấu thầu, nghiệm thu, tài chính, thiết bị; xây dựng cơ chế cảnh báo sớm.
- Tối ưu quản lý tài sản, thiết bị và cơ cấu chi phí. Nâng cao hiệu quả khai thác XMTB; xây dựng kế hoạch đầu tư - thanh lý tài sản phù hợp giai đoạn mới.
- Cân đối đủ nguồn lực tài chính, vật tư, nhân lực, đảm bảo tiến độ thi công các công trình và triển khai các công trình mới.
- Giải quyết dứt điểm công tác quyết toán các dự án đã thi công xong.
- Hoàn thành kế hoạch thu vốn các công trình đang và đã thi công theo kế hoạch.
- Bám sát thực hiện việc gia hạn thuê đất khu đất trụ sở Công ty - Số 2 Nguyễn Hoàng, hoàn thành thủ tục gia hạn thuê đất trong quý II.2026.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2025; kế hoạch SXKD năm 2026, các nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Trân trọng báo cáo!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2025										KẾ HOẠCH NĂM 2026		
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			%HT			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	CTY CON
			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON				
I	Tổng giá trị SXKD	10. ⁶ đ	650.276	520.276	130.000	630.336	493.646	136.690	97	95	105	700.500	570.000	130.500	
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10. ⁶ đ	283.000	283.000	-	247.800	247.800	-	88	88	-	345.000	345.000	-	
2	Giá trị sản xuất điện	10. ⁶ đ	317.556	190.056	127.500	331.363	200.277	131.086	104	105	103	316.900	190.000	126.900	
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10. ⁶ đ	49.720	47.220	2.500	51.172	45.569	5.604	103	97	224	38.600	35.000	3.600	
-	Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng	10. ⁶ đ	8.800	8.800	-	8.594	8.594	-	98	98	-	8.500	8.500	-	
-	Giá trị kinh doanh VTTB và vận tải	10. ⁶ đ	2.000	2.000	-	4.769	4.769	-	238	238	-	5.500	5.500	-	
-	Giá trị kinh doanh khác	10. ⁶ đ	38.920	36.420	2.500	37.809	32.205	5.604	97	88	224	24.600	21.000	3.600	
II	Kế hoạch tài chính														
1	Doanh số	10. ⁶ đ	663.218	533.218	130.000	564.454	427.764	136.690	85	80	105	758.200	627.700	130.500	
2	Tổng doanh thu	10. ⁶ đ	620.059	500.059	120.000	524.667	397.751	126.916	85	80	106	707.088	586.088	121.100	
3	Tiến về tài khoản	10. ⁶ đ	630.009	483.900	146.109	669.774	513.259	156.515	106	106	107	744.315	547.600	148.400	
4	Nộp Ngân sách	10. ⁶ đ	88.539	55.297	33.242	86.912	45.014	41.898	98	81	126	84.850	50.027	34.823	
5	Lợi nhuận														
-	Lợi nhuận trước thuế	10. ⁶ đ	80.000	33.490	46.510	83.088	33.670	49.418	104	101	106	83.903	36.903	47.000	
-	Lợi nhuận sau thuế	10. ⁶ đ	64.400	26.792	37.608	70.499	31.240	39.259	109	117	104	67.122	29.522	37.600	
6	Tỷ suất lợi nhuận														
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	13	7	39	15,8	8,5	38,9	123	126	100	11,9	6,3	38,8	
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	8	4	12	8,4	5,0	12,6	109	116	104	7,2	4,7	11,9	
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	3	2	11	4,0	2,2	11,4	119	128	107	3,8	2,1	10,6	
7	Vốn chủ sở hữu	10. ⁶ đ	836.240	615.406	312.634	840.521	619.854	312.467	101	101	100	937.472	622.299	315.173	
8	Vốn điều lệ	10. ⁶ đ	342.340	342.340	209.999	342.340	342.340	209.999	100	100	100	342.340	342.340	209.999	
9	Tổng tài sản	10. ⁶ đ	1.898.248	1.545.614	352.634	1.749.410	1.405.967	343.443	92	91	97	1.745.832	1.390.660	355.172	
10	Nợ phải trả	10. ⁶ đ	942.052	930.208	40.000	817.089	786.113	30.976	87	85	77	808.360	768.360	40.000	

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2025										KẾ HOẠCH NĂM 2026			
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			%HT		TỔ HỢP	TỔ HỢP	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	CTY CON
			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME						
11	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	1	2	0	0,97	1,27	0,10	86	84		0,86	0,86	1,23	0,13	
12	Hệ số nợ phải trả/(VBL)	lần	3	3	0	2,30	2,30	0,15	87	85		2,36	2,36	2,24	0,19	
13	Tỷ lệ cổ tức	%		6	15		6	15		100				7	12	
III	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	9.000	4.000	5.000	3.227	2.222	1.000	36	56		35.000	35.000	20.000		15.000

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔ HỢP					SÔNG ĐÀ 9				
			KH Năm 2025	TH năm 2025	% hoàn thành	Năm 2026	KH Năm 2025	TH năm 2025	% hoàn thành	Năm 2026		
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ³ đ	2.395.841.276	2.395.841.276	100%	2.302.130.198	1.657.021.765	100%	1.564.157.330			
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ³ đ	2.364.018.318	2.302.130.198	97%	2.227.268.703	1.619.545.450	97%	1.489.295.835			
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ³ đ	878.863.807	875.383.673	100%	811.227.250	696.493.550	100%	656.983.294			
IX VAY VÀ TRẢ NỢ TRUNG VÀ DÀI HẠN												
1	Tổng mức vay trung hạn, dài hạn	10 ³ đ	-	-		-						
2	Trả nợ trung và dài hạn	10 ³ đ	147.577.717	140.146.999	95%	147.397.654	147.577.717	95%	147.397.654			
	- Trả nợ gốc	10 ³ đ	100.227.300	99.400.000	99%	107.804.780	100.227.300	99%	107.804.780			
	- Trả nợ lãi	10 ³ đ	47.350.417	40.746.999	86%	39.592.874	47.350.417	86%	39.592.874			
3	Nợ vay trung và dài hạn cuối kỳ	10 ³ đ	446.800.966	459.211.005	103%	351.406.225	446.800.966	103%	351.406.225			
X	Vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	836.240.530	850.037.677	102%	848.737.389	615.406.527	101%	622.299.788			
a	Vốn điều lệ	10 ³ đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000			
b	Thặng dư vốn	10 ³ đ	21.161.631	21.161.631	100%	21.161.631	21.400.709	100%	21.400.709			
c	Quỹ ĐTPT	10 ³ đ	242.566.475	242.566.583	100%	242.566.475	219.965.678	100%	219.965.678			
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10 ³ đ	56.251.782	68.590.674	122%	65.963.915	31.700.140	114%	38.593.401			
e	Nguồn vốn ĐTXD cơ bản	10 ³ đ	16.666	16.666		16.666						
f	Vốn chủ sở hữu khác	10 ³ đ	15.300.000	15.300.000		15.300.000						
g	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	10 ³ đ	158.603.976	160.062.122		161.388.701						
XI	Đầu tư tài chính đến cuối kỳ	10 ³ đ	116.760.757	116.760.757	100%	116.760.757	116.760.757	100%	116.760.757			
	- Đầu tư vào công ty con	10 ³ đ	85.347.817	85.347.817	100%	85.347.817	85.347.817	100%	85.347.817			
	- Đầu tư vào doanh nghiệp khác	10 ³ đ	31.412.940	31.412.940	100%	31.412.940	31.412.940	100%	31.412.940			

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

V/v Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 như sau:

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Đây là một trong những Công ty kiểm toán có năng lực và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngay khi có Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Công ty cổ phần Sông Đà 9 công bố kịp thời lên website công ty và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (theo Báo cáo tài chính đính kèm).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, HCNS

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng Ban
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Trần Thế Anh

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Số: 222/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 46 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



BV

Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		737.245.551.196	757.159.177.940
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	121.311.768.106	71.439.885.723
Tiền	111		111.311.768.106	69.439.885.723
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		119.160.000.000	115.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	119.160.000.000	115.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238.136.297.859	321.282.870.387
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	255.506.297.362	293.579.689.245
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	31.076.304.167	27.425.321.871
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	49.728.980.005	54.256.714.547
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(98.175.283.675)	(53.978.855.276)
Hàng tồn kho	140	9	242.850.243.010	228.630.113.871
Hàng tồn kho	141		242.850.243.010	228.630.113.871
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.787.242.221	20.306.307.959
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.180.283.612	3.252.255.599
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.837.045.964	16.384.613.026
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.769.912.645	669.439.334
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		940.911.076.026	968.798.673.989
Tài sản cố định	220		875.383.671.708	933.416.945.825
Tài sản cố định hữu hình	221	14	870.771.171.708	928.804.445.825
- Nguyên giá	222		2.276.860.555.096	2.370.623.974.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.406.089.383.388)	(1.441.819.528.585)
Tài sản cố định vô hình	227	13	4.612.500.000	4.612.500.000
- Nguyên giá	228		4.692.500.000	4.692.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	32.625.926.115	20.003.862.675
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.625.926.115	20.003.862.675
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.2	5.342.886.611	5.342.886.611
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.070.053.389)	(26.070.053.389)
Tài sản dài hạn khác	260		27.558.591.592	10.034.978.878
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	27.394.377.784	9.624.447.116
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		164.213.808	410.531.762
TỔNG TÀI SẢN	270		1.678.156.627.222	1.725.957.851.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		828.118.950.422	878.241.737.487
Nợ ngắn hạn	310		476.515.848.087	431.440.770.862
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	61.819.609.192	68.883.144.414
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	70.277.095.030	68.322.773.066
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	18.189.934.130	17.270.582.749
Phải trả người lao động	314		17.518.797.344	14.813.494.585
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	47.967.110.898	23.920.331.791
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	522.370.902	645.894.988
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	63.012.280.632	79.816.258.478
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	190.781.714.218	153.556.117.881
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.426.935.741	4.212.172.910
Nợ dài hạn	330		351.603.102.335	446.800.966.625
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	351.506.220.357	446.800.966.625
Dự phòng phải trả dài hạn	342		96.881.978	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22	850.037.676.800	847.716.114.442
Vốn chủ sở hữu	410		850.037.676.800	847.716.114.442
Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.161.630.641	21.161.630.641
Vốn khác của chủ sở hữu	414		15.300.000.000	15.300.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		242.566.583.215	242.566.583.215
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.590.675.226	63.149.764.616
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.627.176.205	37.836.390.582
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.963.499.021	25.313.374.034
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		16.666.120	16.666.120
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		160.062.121.598	163.181.469.850
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.678.156.627.222	1.725.957.851.929

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng



Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

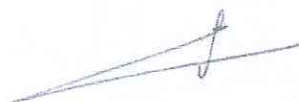
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	487.745.664.178	426.909.134.428
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		487.745.664.178	426.909.134.428
Giá vốn hàng bán	11	25	315.347.948.044	246.876.311.683
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		172.397.716.134	180.032.822.745
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.857.820.034	4.263.920.635
Chi phí tài chính	22	27	46.126.514.069	58.292.412.749
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.979.715.390	53.348.489.314
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	77.064.218.180	57.905.465.515
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.064.803.919	68.098.865.116
Thu nhập khác	31	28	9.746.595.870	164.381.801
Chi phí khác	32	29	3.750.613.140	5.961.587.054
Lợi nhuận khác	40		5.995.982.730	(5.797.205.253)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.060.786.649	62.301.659.863
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	12.421.746.643	13.582.724.618
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		246.317.954	259.679.518
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		49.392.722.052	48.459.255.727
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		29.963.499.021	25.313.374.034
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.429.223.031	23.145.881.693
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	875	583
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	875	583

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

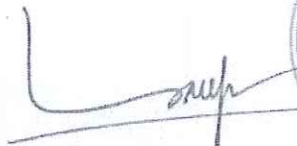
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Minh Nghĩa



Trần Thế Anh



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		62.060.786.649	62.301.659.863
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		60.355.689.132	60.457.093.776
Các khoản dự phòng	03		44.293.310.377	29.931.473.141
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(147.692)	(46.178.711)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(16.089.456.583)	(4.217.741.924)
Chi phí lãi vay	06		45.979.715.390	53.348.489.314
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		196.599.897.273	201.774.795.459
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		41.533.460.733	73.265.556.657
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.220.129.139)	25.720.145.568
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.247.588.987	(88.546.362.488)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.697.958.681)	3.788.909.380
Tiền lãi vay đã trả	14		(45.987.920.602)	(55.999.601.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.444.427.106)	(15.205.764.099)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.059.382.859)	(5.569.762.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		164.971.128.606	139.227.917.435
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.044.692.459)	(26.805.405.509)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.320.458.147	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.660.000.000)	(89.428.031.849)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.600.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.632.775.583	2.765.425.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.751.458.729)	(106.868.011.610)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		193.000.138.270	125.282.102.049
Tiền trả nợ gốc vay	34		(251.069.288.201)	(187.471.695.255)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54.278.785.255)	(36.844.836.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(112.347.935.186)	(99.034.429.206)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		49.871.734.691	(66.674.523.381)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	71.439.885.723	138.097.824.072
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		147.692	16.585.032
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	121.311.768.106	71.439.885.723

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



Tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng Ban
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên

Ban Điều hành, quản lý

Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thế Anh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hải Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Số: 221/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BV

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		564.707.247.733	601.387.800.541
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	96.738.719.649	57.802.163.919
Tiền	111		86.738.719.649	57.802.163.919
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.110.889.160	308.663.882.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	242.398.523.484	283.396.735.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	30.368.726.167	27.033.119.765
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	47.518.923.184	52.208.096.654
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(98.175.283.675)	(53.974.069.212)
Hàng tồn kho	140	13	230.577.749.365	216.360.442.717
Hàng tồn kho	141		230.577.749.365	216.360.442.717
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.279.889.559	18.561.310.915
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.143.380.280	1.919.254.924
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.366.596.634	15.972.616.657
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.769.912.645	669.439.334
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		841.259.915.653	846.018.233.394
Tài sản cố định	220		698.524.405.934	733.969.863.982
Tài sản cố định hữu hình	221	14	693.911.905.934	729.357.363.982
- Nguyên giá	222		1.559.464.829.574	1.652.329.264.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(865.552.923.640)	(922.971.900.620)
Tài sản cố định vô hình	227	6	4.612.500.000	4.612.500.000
- Nguyên giá	228		4.692.500.000	4.692.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.363.270.055	13.410.264.729
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7	31.363.270.055	13.410.264.729
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	90.690.703.463	90.690.703.463
Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.070.053.389)	(26.070.053.389)
Tài sản dài hạn khác	260		20.681.536.201	7.947.401.220
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	20.517.322.393	7.536.869.458
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		164.213.808	410.531.762
TỔNG TÀI SẢN	270		1.405.967.163.386	1.447.406.033.935

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		786.112.966.093	836.318.178.210
Nợ ngắn hạn	310		434.509.863.758	389.517.211.585
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	51.669.535.684	57.412.146.549
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	70.277.095.030	68.322.773.066
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.513.128.691	3.546.746.455
Phải trả người lao động	314		10.451.420.265	7.905.638.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	38.896.110.898	18.722.462.791
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		522.370.902	645.894.988
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	60.455.349.612	77.411.126.982
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	190.781.714.218	153.556.117.881
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.943.138.458	1.994.304.855
Nợ dài hạn	330		351.603.102.335	446.800.966.625
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	351.506.220.357	446.800.966.625
Dự phòng phải trả dài hạn	342		96.881.978	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	619.854.197.293	611.087.855.725
Vốn chủ sở hữu	410		619.854.197.293	611.087.855.725
Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.147.809.709	27.381.468.141
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.908.028.938	2.545.502.124
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.239.780.771	24.835.966.017
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.405.967.163.386	1.447.406.033.935

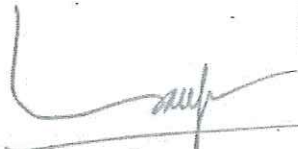
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng



Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	366.511.778.939	278.033.269.192
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		366.511.778.939	278.033.269.192
Giá vốn hàng bán	11	24	247.715.467.023	163.053.228.816
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.796.311.916	114.980.040.376
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	21.930.993.713	23.773.119.730
Chi phí tài chính	22	26	45.922.342.656	58.265.730.429
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.870.118.377	53.348.489.314
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	67.012.394.133	48.170.140.264
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.792.568.840	32.317.289.413
Thu nhập khác	31	27	9.308.061.336	162.618.560
Chi phí khác	32	28	3.430.574.148	5.732.194.030
Lợi nhuận khác	40		5.877.487.188	(5.569.575.470)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.670.056.028	26.747.713.943
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.183.957.303	1.652.068.408
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		246.317.954	259.679.518
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.239.780.771	24.835.966.017

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

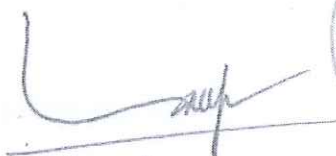
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Minh Nghĩa



Trần Thế Anh



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		33.670.056.028	26.747.713.943
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		37.868.087.067	38.069.485.887
Các khoản dự phòng	03		44.298.096.441	29.931.473.141
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(147.692)	(46.178.711)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(31.056.630.262)	(23.726.941.019)
Chi phí lãi vay	06		45.870.118.377	53.348.489.314
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		130.649.579.959	124.324.042.555
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.857.326.079	67.121.621.278
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.217.306.648)	25.719.361.833
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20.808.391.236	(91.783.953.470)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.204.578.291)	3.977.337.416
Tiền lãi vay đã trả	14		(45.878.323.589)	(55.999.601.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(48.921.094)	(3.452.691.499)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.407.605.600)	(1.328.843.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		120.558.562.052	68.577.274.071
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.375.634.345)	(15.245.982.563)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.214.458.147	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.428.031.849)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.842.172.115	23.726.941.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.680.995.917	10.052.926.607

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		179.762.800.181	125.282.102.049
Tiền trả nợ gốc vay	34		(237.831.950.112)	(187.471.695.255)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.234.000.000)	(14.207.056.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.303.149.931)	(76.396.649.206)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		38.936.408.038	2.233.551.472
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	57.802.163.919	55.552.027.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		147.692	16.585.032
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	96.738.719.649	57.802.163.919

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về Công ty:

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- Vốn điều lệ: 342.340.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: SD9.

2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| - Ông Trần Thế Quang | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Hải Sơn | - TVHĐQT, Tổng giám đốc |
| - Ông Phạm Văn Quân | - TVHĐQT |
| - Ông Đoàn Hùng Trường | - TVHĐQT |
| - Ông Lê Hải Đoàn | - TVHĐQT |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Đặc điểm tình hình.

- Tháng 4/2025, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Đại hội đã thông qua các nội dung quan trọng, bao gồm: (i) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; (ii) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; (iii) Báo cáo của Hội đồng quản trị (iv) báo cáo của Ban Kiểm soát; (v) Phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức; (vi) Báo cáo về chi trả lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát; (vii) Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- Về nhân sự Hội đồng đồng quản trị và Ban điều hành Công ty: Trong năm không có sự thay đổi, đảm bảo tính ổn định và liên tục trong công tác quản trị, điều hành.
- Về sản xuất kinh doanh: Tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực; giá trị sản xuất công nghiệp và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới chưa đạt kỳ vọng, cần tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh trong thời gian tới.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

- a. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ, đúng chức năng, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể:
 - HĐQT đã chuẩn bị đầy đủ chương trình, nội dung, tài liệu; tổ chức triệu tập và điều hành thành công ĐHĐCĐ năm 2025 theo đúng quy định.
 - Thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các nghị quyết đã được thông qua.

- Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được điều hành kịp thời, linh hoạt, không bỏ lỡ cơ hội nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các thành viên Hội đồng quản trị đã chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường trao đổi, hội ý, xin ý kiến bằng văn bản và thư điện tử để xử lý công việc.
- Trong năm, HĐQT đã tổ chức: 04 cuộc họp thường kỳ, ban hành 23 nghị quyết, quyết định; 36 văn bản, chỉ thị, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:
- + Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm; kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ các kỳ tiếp theo; ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác thu hồi vốn, tiến độ thi công, đảm bảo an toàn các công trình, đặc biệt trong mùa mưa bão.
- + Chỉ đạo công tác chuyển đổi số; công tác tìm kiếm việc làm; nâng cao hiệu quả quản lý công trình theo mô hình khoán quản; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- + Phê duyệt quy chế trả lương đối với người lao động trong toàn Công ty; phê duyệt thiết kế, dự toán các hạng mục công trình thủy điện Pake và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Việc ban hành các nghị quyết đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

(Chi tiết các Nghị quyết, quyết định, biên bản các cuộc họp được lưu trữ tại Văn phòng HĐQT và liệt kê chi tiết tại báo cáo công tác quản trị năm 2025 đã được công bố thông tin).

- **Về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:** Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, bao gồm cả việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ - công ty con.
- **Về công tác quản trị doanh nghiệp:** Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các quy định liên quan khác. Qua đó, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo vai trò quản lý, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và thận trọng của Hội đồng quản trị.
- **Về hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng có liên quan:** Trong năm không phát sinh các giao dịch thuộc đối tượng này.
- **Về công tác tham gia điều hành, định hướng hoạt động:** Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia các cuộc họp với Ban điều hành và Người đại diện phần vốn nhằm đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm trước, xây dựng kế hoạch năm sau, qua đó kịp thời nắm bắt tình hình và đưa ra các quyết sách phù hợp.
- **Công tác thu hồi công nợ:** Được Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, nhất là đối với các khoản công nợ tồn đọng lâu năm, khó thu

hồi; qua đó đã có chuyển biến tích cực, góp phần cải thiện dòng tiền và tình hình tài chính của Công ty.

- **Về thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tài chính:** Trong năm, Công ty chưa thực hiện được việc thoái vốn tại một số đơn vị theo kế hoạch đề ra.
- **Về công tác đầu tư:** Chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư điện mặt trời áp mái tại tòa nhà văn phòng công ty; đồng thời chỉ đạo lập dự án đầu tư điện mặt trời trên lòng hồ Pake, dự kiến động thổ/khởi công trong quý IV năm 2026.
- **Về kết quả công tác sản xuất kinh doanh:** Năm 2025 thị trường xây lắp đã dần hồi phục, tuy nhiên áp lực cạnh tranh về giá và nguyên vật liệu vẫn cao. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo điều hành kịp thời, quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành và sự ủng hộ của cổ đông lớn, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó:
 - + Tổng giá trị SXKD : TH 494 tỷ/KH 520 tỷ đồng đạt 95%KH năm
 - + Doanh thu : TH 398 tỷ/KH 500 tỷ đồng đạt 80%KH năm
 - + Lợi nhuận trước thuế : TH 33,67 tỷ/KH 33,49 tỷ đồng đạt 101%KH năm
 - + Lợi nhuận sau thuế : TH 31,2 tỷ/ KH 26,8 tỷ đồng đạt 117% KH năm
 - + Nộp ngân sách : TH 45 tỷ/KH 55 tỷ đồng đạt 82%KH năm
 - + Chi trả cổ tức : TH 6%/KH 6% đạt 100% KH năm.

b. Mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị:

- Các thành viên Hội đồng quản trị luôn phối hợp chặt chẽ, trao đổi và cung cấp thông tin kịp thời về các vấn đề liên quan trong quá trình xử lý công việc.
- Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định làm cơ sở để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành tổ chức thực hiện; đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định này. Tùy theo nội dung cuộc họp (định kỳ hoặc đột xuất), Hội đồng quản trị mời Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng/ban tham dự nhằm đảm bảo thông tin đầy đủ, phục vụ công tác thảo luận và đóng góp ý kiến.
- Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đồng thời đảm bảo tính độc lập trong hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc mời họp và cung cấp tài liệu họp Hội đồng quản trị được thực hiện đầy đủ, đúng quy định như đối với các thành viên Hội đồng quản trị; các ý kiến của Ban Kiểm soát tại các cuộc họp đều được tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu.

3. Hạn chế, tồn tại:

Mặc dù Hội đồng quản trị đã thường xuyên làm việc với Ban điều hành, kịp thời đưa ra nhiều biện pháp, giải pháp trong công tác chỉ đạo, điều hành, song kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn chưa đạt 100% kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp còn ở mức thấp, hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay vẫn ở mức lớn, ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc:

- **Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất, kịp thời đề ra và triển khai các biện pháp,

giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định; đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty; Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành; tập trung thu hồi công nợ, cân đối dòng tiền, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, qua đó góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước đáp ứng mục tiêu và định hướng do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

- **Về công tác đấu thầu và tổ chức thi công:** Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm và tổ chức thi công chưa đạt yêu cầu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu đã được phân tích trong Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cần đặc biệt quan tâm và có các giải pháp quyết liệt, hiệu quả hơn trong thời gian tới.
- **Về công tác quản lý, điều hành:** Trong năm 2025, Hội đồng quản trị không phát hiện các vấn đề bất thường trong công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty; đồng thời không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến các chức danh này.
Về việc tuân thủ quy định: Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý đã tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- **Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:** Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 14/2025/QĐ-HĐQT ngày 06/6/2025 (*Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ tại nghị quyết họp ĐHĐCĐ năm 2025*).

Dự toán thù lao HĐQT, BKS, năm 2025: 492 triệu đồng.

Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2025, và Quyết định phê duyệt phương án chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát công ty; mức thù lao HĐQT, BKS được chi trả bằng 100% dự toán đã được duyệt và tiền thưởng là 01 tháng thù lao bình quân thực hiện, tổng mức chi trả là 533 triệu đồng.

Báo cáo tổng lương của cán bộ điều hành chi trả năm 2025: (*theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9*).

3. Các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025.

(*Chi tiết theo báo cáo SXKD và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9 kèm theo*)

4. Tình hình quản trị năm 2026:

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành; đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban Tổng Giám đốc; đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch hiệu quả.
- Nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo bất thường khác theo quy định đầy đủ và kịp thời.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu năm 2026: Giá trị SXKD 570 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 36,9 tỷ đồng (*tăng 10% so với thực hiện 2025*). Hội đồng quản trị chú trọng yếu tố an toàn, khả thi, cố gắng thực hiện các mục tiêu đề ra, hạn chế tối đa các rủi ro với định hướng:

- 1. Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ HĐQT:** Với chức năng là cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT sẽ thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế nội bộ của đơn vị. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời ban hành các nghị quyết, quyết định kịp thời, linh hoạt để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện, chỉ đạo quyết liệt hơn và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.
- 2. Về công tác quản trị:**
 - Duy trì chế độ họp thường kỳ và họp chuyên đề để xem xét, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh; tiếp tục rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; làm cơ sở để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, quản lý, điều hành theo hướng chặt chẽ, minh bạch và hạn chế rủi ro.
 - Tăng cường công tác kiểm tra hiện trường các dự án, công trình; bám sát tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức đánh giá định kỳ và đột xuất đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; đồng thời nâng cao chất lượng báo cáo của Ban Tổng Giám đốc nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản trị và ra quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3. Về công tác sản xuất kinh doanh:**
 - Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, tìm kiếm thị trường: Rà soát và hoàn thiện chiến lược tiếp thị, tìm kiếm việc làm; tăng cường xây dựng quan hệ với các chủ đầu tư, tổng thầu và đối tác; chỉ đạo nâng cao chất lượng hồ sơ dự thầu, tăng tính cạnh tranh và hiệu quả trong lựa chọn các gói thầu phù hợp với năng lực của Công ty.
 - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành, quản lý; đẩy mạnh áp dụng chữ ký số, lưu trữ hồ sơ điện tử và các phần mềm phục vụ quản trị doanh nghiệp. Tiếp tục số hóa các quy trình, thủ tục nội bộ nhằm rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu suất lao động.
 - Quản lý, khai thác hiệu quả các tài sản chiến lược của Công ty, bao gồm các nhà máy thủy điện Pa Ke, Nậm Khánh, Nậm Mu; bảo đảm vận hành an toàn, ổn định và tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - Chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh quyết toán; tập trung xử lý, thu hồi các khoản công nợ tồn đọng, đặc biệt là công nợ lâu năm, khó đòi. Xây dựng và triển

khai phương án chi tiết cho công tác thu hồi công nợ; giảm giá trị dở dang tại các công trình đã và đang thi công.

- Thực hiện nghiêm công tác đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa vi phạm, nâng cao tính tuân thủ trong toàn Công ty.
- Chỉ đạo triển khai đầu tư dự án điện mặt trời nổi mặt hồ Thủy điện Pa Ke; đồng thời đầu tư mở rộng sản xuất đối với Nhà máy Thủy điện Nậm Mu (thuộc Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu).
- Tập trung phối hợp với Ban Tổng Giám đốc triển khai hiệu quả các chương trình quản trị kế hoạch, quản trị chi phí và quản trị nhân lực; qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác khoán quản trong toàn đơn vị và tại các công trình trên cơ sở phân tích, hạch toán đầy đủ, minh bạch.
- Chỉ đạo hoàn thành việc gia hạn thuê đất khu đất trụ sở Công ty - Số 2 Nguyễn Hoàng, hoàn thành thủ tục gia hạn thuê đất trong quý II.2026.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự đoàn kết, nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, người lao động, Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ sớm vượt qua khó khăn, thách thức, từng bước ổn định và phát triển bền vững. Đồng thời, Hội đồng quản trị mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành và ủng hộ của Quý cổ đông trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, HCNS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Quang

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm soát hoạt động đánh giá một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2025:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Ban TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, Ban Kiểm soát có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 493,7 tỷ đồng, đạt 94,9% KH
- Doanh thu : 397,8 tỷ đồng, đạt 79,6% KH
- Lợi nhuận trước thuế : 33,67 tỷ đồng, đạt 100,5% KH
- Lợi nhuận sau thuế : 31,24 tỷ đồng, đạt 116,6% KH
- Các khoản nộp NSNN : 45,0 tỷ đồng, đạt 81,8% KH
- Tỷ lệ cổ tức : dự kiến 6,0%, đạt 100% KH

Năm 2025, chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tuy nhiên, chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, nộp NSNN chưa hoàn thành. Những nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT và Ban TGD nêu rõ và phân tích trong báo cáo trình ĐHCĐ.

2. Báo cáo tài chính năm 2025:

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025; kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp lập tại thời điểm 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2025:

- Tổng tài sản: 1.405.967.163.386, đồng
 - + Tài sản ngắn hạn: 564.707.247.733, đồng
 - + Tài sản dài hạn : 841.259.915.653, đồng
- Nguồn vốn: 1.405.967.163.386, đồng
 - + Nợ phải trả: 786.112.966.093, đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu: 619.854.197.293, đồng
- Doanh thu: 397.750.833.988, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 33.670.056.028, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 31.239.780.771, đồng

3. So sánh một số chỉ tiêu cùng kỳ năm 2025 và năm 2024:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ (%)
Sản lượng	10 ⁶ đồng	493,70	301,0	164,0%
Doanh thu	10 ⁶ đồng	397,75	301,97	131,7%
Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	33,67	26,75	125,9%

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm soát hoạt động đánh giá một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2025:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Ban TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, Ban Kiểm soát có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 493,7 tỷ đồng, đạt 94,9% KH
- Doanh thu : 397,8 tỷ đồng, đạt 79,6% KH
- Lợi nhuận trước thuế : 33,67 tỷ đồng, đạt 100,5% KH
- Lợi nhuận sau thuế : 31,24 tỷ đồng, đạt 116,6% KH
- Các khoản nộp NSNN : 45,0 tỷ đồng, đạt 81,8% KH
- Tỷ lệ cổ tức : dự kiến 6,0%, đạt 100% KH

Năm 2025, chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tuy nhiên, chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, nộp NSNN chưa hoàn thành. Những nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT và Ban TGD nêu rõ và phân tích trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

2. Báo cáo tài chính năm 2025:

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025; kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp lập tại thời điểm 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2025:

- Tổng tài sản: 1.405.967.163.386, đồng
 - + Tài sản ngắn hạn: 564.707.247.733, đồng
 - + Tài sản dài hạn : 841.259.915.653, đồng
- Nguồn vốn: 1.405.967.163.386, đồng
 - + Nợ phải trả: 786.112.966.093, đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu: 619.854.197.293, đồng
- Doanh thu: 397.750.833.988, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 33.670.056.028, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 31.239.780.771, đồng

3. So sánh một số chỉ tiêu cùng kỳ năm 2025 và năm 2024:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ (%)
Sản lượng	10 ⁶ đồng	493,70	301,0	164,0%
Doanh thu	10 ⁶ đồng	397,75	301,97	131,7%
Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	33,67	26,75	125,9%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	31,24	24,84	125,8%
Tổng tài sản	10 ⁶ đồng	1.405,97	1.447,41	97,1%
Nợ phải trả	10 ⁶ đồng	786,11	836,32	94,0%
Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	619,85	611,09	101,4%
Hệ số nợ phải trả	Lần	1,27	1,37	92,7%
Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,79	1,73	103,3%
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,30	1,54	84,2%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	8,47%	8,86%	95,6%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	7,85%	8,22%	95,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,04%	4,06%	124,0%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,22%	1,72%	129,5%

Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận năm 2025 tăng so với năm 2024: sản lượng đạt 164,0%; doanh thu đạt 131,7%, lợi nhuận trước thuế đạt 125,9%, lợi nhuận sau thuế đạt 125,8%.

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 giảm 50,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024. Hệ số nợ (1,27 lần) giảm so với năm 2024 (1,37 lần) và trong ngưỡng an toàn. Theo đánh giá tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, toàn bộ khoản nợ các tổ chức tín dụng có khả năng trả nợ.

Nợ phải thu ngắn hạn giảm 42 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024; trong đó nợ phải thu khách hàng giảm 41 tỷ đồng nhưng vẫn ở mức cao (242 tỷ đồng).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2025 là 98,1 tỷ đồng, tăng 44,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi đã phản ánh vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 là: 44,2 tỷ đồng.

Chi phí lãi vay giảm 7,5 tỷ đồng so với năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã cân đối trả đủ nợ vay đến hạn.

Vốn chủ sở hữu tăng 8,7 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024.

Các chỉ số thanh toán đã được cải thiện so với năm 2024.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGD:

- Trong năm 2025, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông linh hoạt. HĐQT đã ban hành 23 Nghị quyết, Quyết định; việc ban hành đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- HĐQT nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và bất thường khác theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT đã chỉ đạo việc thu hồi công nợ, hỗ trợ Ban TGD trong việc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ lâu năm, khó đòi. Do vậy, trong năm 2025, nợ

phải thu đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, giá trị công nợ phải thu và dở dang vẫn còn lớn;

- HĐQT và Ban TGD đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- + HĐQT đã tham gia các cuộc họp với của Ban TGD với Người đại diện vốn về hoạt động sản xuất kinh doanh để nắm bắt kịp thời và đề các quyết sách phù hợp;

- + Ban TGD đã nỗ lực trong công tác điều hành, thu hồi công nợ, cân đối dòng tiền, bám sát các Nghị quyết HĐQT trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

- + Ban TGD cân đối nguồn tài chính trả nợ thuế, bảo hiểm xã hội và chi trả các chế độ cho người lao động.

- + Ban TGD chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số, tuy nhiên hiệu quả chưa cao.

- Đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, Công ty chưa chi trả cổ tức năm 2022, 2023, 2024;

- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;

- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến các chức danh quản lý trong Công ty.

IV. Kiến nghị:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban TGD:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, năng lực tổ chức quản lý thi công. Tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán. Phân tích đánh giá đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của Công ty và có tính khả thi cao;

- Xây dựng kế hoạch và tiếp tục tăng cường thu hồi công nợ phải thu khách hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. HĐQT tiếp tục sát sao chỉ đạo và cùng Ban TGD tích cực thu hồi công nợ, đặc biệt công nợ khó đòi. Phân tích các khoản công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban TGD tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấp hạn mức tín dụng đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 và trả nợ theo kế hoạch;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm.
- Tiếp tục rà soát để thực hiện thanh lý các tài sản hư hỏng không sử dụng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát, đánh giá năng lực các bên liên quan của tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với chủ đầu tư và các nhà thầu để đảm bảo thực hiện đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng, hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng (tiến độ thi công, thanh toán,...) để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nộp ngân sách kịp thời tránh phát sinh phạt chậm nộp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh;
- Chi trả tiền lương cho người quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả. Đảm bảo chi trả kịp thời tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;
- Xây dựng lộ trình chi trả cổ tức năm 2022, 2023, 2024 cho các cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty;
- Kịp thời khắc phục những vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan thanh, kiểm tra (nếu có).

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026:

1. Giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng và năm; báo cáo tài chính bán niên và năm; báo cáo công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Xem xét, kiểm tra sổ sách kế toán, hạch toán kế toán và các tài liệu khác; công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác (khi được mời tham dự).
8. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông.
9. Giám sát tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật của người quản lý Công ty và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

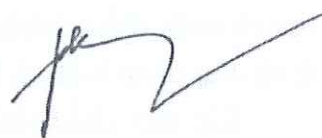
Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- KSV;
- Lưu BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BAN KIỂM SOÁT

Số: 01/2026/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9 (ĐHĐCĐ) lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 và kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

Căn cứ ngành nghề kinh doanh và nhu cầu kiểm toán của Công ty, BKS đề xuất HĐQT các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực xây dựng theo các quy định của Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu;
- Đảm bảo hoàn thành và công bố BCTC đã được kiểm toán theo đúng thời hạn quy định với chất lượng tốt nhất.

2. Hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện theo đúng của định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

II. Đề xuất của BKS

Từ những tiêu chí trên, BKS kính trình HĐQT thường niên năm 2026 những nội dung sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2026 của Công ty, cụ thể:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

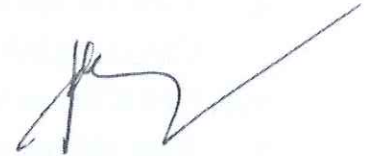
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn 01 (một) trong số các Công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2026 của Công ty; và giao Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Tổ chức ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Phương

Số: 07/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế :	33.670.056.028
2	Chi phí thuế TNDN :	2.183.957.303
3	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại :	246.317.954
4	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3) :	31.239.780.771
5	Lợi nhuận năm trước chuyển sang :	4.908.028.938
7	Lợi nhuận chia cổ tức 6% (65,8% LN phân phối) :	20.540.400.000
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20,9% LN phân phối) :	6.536.462.464
9	Tỷ lệ chia cổ tức :	6,0%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối :	9.070.947.245

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, TCNS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Quang

Số: 08 /TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

*V/v: Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và
phương án chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2026*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2025.
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026 như sau:

1. Tình hình thực hiện việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2025:

Theo quy định tại mục 7.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 về chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xây dựng và phê duyệt kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ngày 06/6/2025 Hội đồng quản trị công ty cổ phần Sông Đà 9 đã ban hành quyết định số 14/2025/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát công ty.

Theo đó thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 được tính tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế của năm đạt 100%; tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế là 01 tháng thù lao bình quân, cụ thể như sau:

DVT: 10³ đồng

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Thù lao/tháng theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 (đồng/tháng)	Thù lao/tháng được hưởng 100%KH (đồng/tháng)	Tiền thưởng (đồng)	Tổng thù lao năm 2024 (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8=(6x4x5x3)+(7x4)
Thù lao, tiền thưởng thành viên HĐQT, BKS							
1	Thành viên HĐQT	4	12	7.000	7.000	7.000	364.000
2	Trưởng BKS không chuyên trách	1	12	7.000	7.000	7.000	91.000
3	Thành viên BKS	2	12	3.000	3.000	3.000	78.000
	Tổng cộng						553.000

(Có bảng tính chi tiết kèm theo)

2. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2025:

2.1 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty:

Mức thù lao tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế của năm đạt 100%. Kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính được kiểm toán, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quyết toán và trả theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng/người (đồng)
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	7.000.000
2	Trưởng BKS không chuyên trách	1	7.000.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000

2.2 Mức chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Nếu hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận sau thuế: Tiền thưởng tối đa không quá 01 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện.
- Nếu hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế: Tiền thưởng tối đa không quá 02 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT, TCKT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Quang

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

V/v Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung, thông qua ngày 18/6/2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Quý vị cổ đông thông qua: **Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty**

(Điều lệ chi tiết được đính kèm tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, TCNS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Quang

Số: /BB - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại Hội trường tầng 9, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, thành phố Hà Nội diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi tắt là **ĐHĐCĐ**) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100845515.

I. Thành phần tham dự và tính hợp pháp, hợp lệ của ĐHĐCĐ

1. Thành phần tham dự:

- Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ: Số cổ đông và đại diện theo ủy quyền của các cổ đông tham dự Đại hội tính đến thời điểm 08^h30 ngày 24/04/2026 là ... cổ đông, nắm giữ cổ phần chiếm% vốn điều lệ của Công ty.

2. Tính hợp pháp và hợp lệ của Đại hội:

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật Doanh nghiệp cuộc họp ĐHĐCĐ đã hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành.

- Số cổ đông tính đến thời điểm bỏ phiếu là cổ đông nắm giữ cổ phần chiếm% vốn điều lệ của Công ty.

II. Nội dung và chương trình Đại hội

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
2. Tờ trình báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của kiểm toán độc lập.
3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch chương trình công tác năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty.
4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026.
5. Tờ trình đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 và ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.
6. Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
7. Tờ trình Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025; phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026.
8. Tờ trình của Hội đồng quản trị thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
9. Tờ trình bầu về nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031.

10. Thảo luận tại Đại hội.
11. Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

III. Diễn Biến Đại Hội:

A. Thủ tục tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội về tình hình cổ đông tham dự Đại hội và điều kiện tiến hành Đại hội.
2. Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự.
3. Ban tổ chức giới thiệu Ban chủ tọa gồm:

- Ông Trần Thế Quang	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tọa Đại hội
- Ông Nguyễn Hải Sơn	- TVHĐQT - TGD	- Thành viên
- Ông Lê Hải Đoàn	- TVHĐQT	- Thành viên

Thành phần Ban chủ tọa được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội - đạt tỷ lệ 100% đồng ý.

4. Chủ tọa Đại hội chỉ định ông Nguyễn Văn Minh - PGĐ Ban quản lý công trình là Thư ký Đại hội.
5. Chủ tọa Đại hội đề cử Ban kiểm phiếu như sau:

- Ông Lê Đăng Quân	- CTCD cty	- Trưởng ban
- Bà Lê Thị Kim Ngân	- TP. HCNS	- Thành viên
- Bà Trần Thị Chung	- PP. TCKT	- Thành viên
- Ông Trịnh Thế Trọng	- P. KTeKT	- Thành viên
- Bà Lê Thị Thanh Hiến Yến	- P. KTeKT	- Thành viên
- Bà Phùng Thị Minh Nghĩa	- P. TCKT	- Thành viên

Thành phần Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội - đạt tỷ lệ 100%.

6. Ban chủ tọa báo cáo Chương trình và Quy chế tổ chức đại hội.

Ông Lê Hải Đoàn - thành viên HĐQT báo cáo trước Đại hội Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2025 và được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội - đạt tỷ lệ 100%.

B. Các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua:

1. Ông Nguyễn Hải Sơn - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty trình bày (1) báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (2) Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Kiểm toán độc lập

2. Ông Trần Thế Quang - Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kế hoạch chương trình công tác của HĐQT năm 2026.

3. Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Trưởng ban Kiểm soát công ty báo cáo trình ĐHĐCĐ thông qua:

3.1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty năm 2025, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026;

3.2. Tờ trình ĐHĐCĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2026.

4. Ông Nguyễn Hải Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc công ty báo cáo trình ĐHĐCĐ thông qua:

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;

4.2. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025; phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026; Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

5. Ông Trần Thế Quang - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Công ty báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về việc Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026-2031.

C. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

D. Kết quả biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ

Sau phần thảo luận, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: phiếu.
- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tờ trình kết quả báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty kiểm toán độc lập. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

➤ Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội

➤ Số phiếu không hợp lệ: phiếu.

- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2026. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

➤ Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội

➤ Số phiếu không hợp lệ: phiếu.

- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2025; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2026. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

➤ Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội

- *Số phiếu không hợp lệ: phiếu.*
- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2025; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ: phiếu.*
- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. .

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ: phiếu.*
- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ: phiếu.*
 - Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
 - Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
 - Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức & hoạt động của công ty. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ: phiếu.*
 - Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
 - Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.
 - Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Điều lệ tổ chức & hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9. Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026-2031.

9.1. Thông qua nội dung quy chế bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2026-2031.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*

➤ Số phiếu không hợp lệ: phiếu.

- Số phiếu tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: phiếu tương ứng với cổ phần chiếm% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu.

Kết luận: Quy chế Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2026-2031 được ĐHĐCĐ thông qua.

9.2. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2021-2026:

a. Kết quả bầu Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2026- 2031:

TT	Họ và tên	Số quyền bầu	Tỷ lệ %	Kết quả bầu
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

b. Kết quả Bầu Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2026- 2031:

TT	Họ và tên	Số quyền bầu	Tỷ lệ %	Kết quả bầu
1.				
2.				
3.				

E. Ông Nguyễn Văn Minh trình bày toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Biên bản được lập xong vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, toàn văn Biên bản và Nghị quyết được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

TM. BAN THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ĐOÀN CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Minh

Trần Thế Quang

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2026 ngày 24/04/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2026 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổng giá trị SXKD : TH 494 tỷ/KH 520 tỷ đồng đạt 95%KH năm.
- Doanh thu : TH 398 tỷ/KH 500 tỷ đồng đạt 80%KH năm.
- Lợi nhuận trước thuế: TH 33,67 tỷ/KH 33,49 tỷ đồng đạt 101%KH năm.
- Lợi nhuận sau thuế : TH 31,2 tỷ/ KH 26,8 tỷ đồng đạt 117% KH năm.
- Nộp ngân sách : TH 44 tỷ/KH 55 tỷ đồng đạt 79%KH năm.
- Chi trả cổ tức : TH 6%/KH 6% đạt 100% KH năm.

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 570 tỷ đồng.
- Doanh thu : 586 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 36,9 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 29,5 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách : 50 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cổ tức : 7%

Chi tiết như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của công ty kiểm toán độc lập. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.*
3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2026. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.*
4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2026. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.*
5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026 bao gồm:
 - Công ty TNHH Kiểm toán AASC (AASC).
 - Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.
 - Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).
6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế :	33.670.056.028
2	Chi phí thuế TNDN :	2.183.957.303
3	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại :	246.317.954
4	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3) :	31.239.780.771
5	Lợi nhuận năm trước chuyển sang :	4.908.028.938
7	Lợi nhuận chia cổ tức 6% (65,8% LN phân phối) :	20.540.400.000
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20,9% LN phân phối) :	6.536.462.464
9	Tỷ lệ chia cổ tức :	6,0%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối :	9.070.947.245

7. Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025; phương án chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2026:

7.1. Quyết toán trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025: mức thù lao HĐQT, BKS được chi trả bằng 100% dự toán đã được duyệt và tiền thưởng là 01 tháng thù lao bình quân thực hiện, tổng mức chi trả là 533 triệu đồng.

7.2. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2026:

Mức thù lao tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế của năm đạt 100%. Kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính được kiểm

toán, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quyết toán và trả theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng/người (đồng)
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	7.000.000
2	Trưởng BKS không chuyên trách	1	7.000.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000

*** Mức chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

- Nếu hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận sau thuế: Tiền thưởng tối đa không quá 01 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện.

- Nếu hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế: Tiền thưởng tối đa không quá 02 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện.

8. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026.*

9. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đã thống nhất bầu các Ông/bà sau trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031:

9.1. Thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn
1		
2		
3		
4		
5		

9.2. Thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn
1		
2		
3		



Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức & hoạt động của công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc căn cứ quyết nghị thực hiện.

Nơi nhận:

- UBCK NN, SGDCKHN;
- Cổ đông công ty;
- Như điều 3;
- Lưu HĐQT, HCNS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Trần Thế Quang

Số: 11/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (SD9) thông báo tới toàn thể quý vị cổ đông về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2026-2031 cụ thể như sau:

I. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 9, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;



- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

II. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

III. Điều kiện để cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Tham chiếu Khoản 5, Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020; Khoản 2 Điều 24 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo mục I và II trên đây thì Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát công ty.

IV. Hướng dẫn gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 gồm:

1. Bản gốc đơn ứng cử (Mẫu số 1)
2. Bản gốc đơn đề cử (Mẫu số 2)
3. Bản gốc biên bản họp nhóm cổ đông và danh sách đề cử, ứng cử (Mẫu số 3)
4. Bản gốc bản khai sơ yếu lý lịch (Mẫu số 4)
5. Bản sao căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, công chứng) của các cổ đông đề cử, ứng cử.

6. Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn (được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, công chứng)

Quý cổ đông lưu ý: Người ứng cử, đề cử tham gia thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Sông Đà 9 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử, tự ứng cử của mình.

Do vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản đề cử/ứng cử thành viên HĐQT/Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2026-2031 trước 14h00 ngày 14/4/2026 để Công ty cổ phần Sông Đà 9 kịp thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, để Quý vị cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý cổ đông có thể truy cập website của Công ty theo địa chỉ www.songda9.com.vn.

Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi tới địa chỉ: Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37683746; **Fax:** 024.37682684. Email contact@songda9.com

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- ĐUCty (b/cáo)
- HĐQT, BKS, TGD SD9;
- Lưu HĐQT, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Quang





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 1

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 NHIỆM KỲ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Tên tôi là.....

ĐKKD/CCCD số.....

Địa chỉ.....

Hiện đang sở hữu/đại diện.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT/ thành viên Ban kiểm soát tại Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và Luật doanh nghiệp, tôi thấy mình có đủ điều kiện cử ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của SD9 tín nhiệm bầu là thành viên HĐQT/ thành viên BKS, tôi xin đem hết năng lực, tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Sông Đà 9.

Tôi xin đính kèm Hồ sơ cá nhân theo đơn này

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày.... tháng.....năm 2026

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM¹Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**ĐƠN ĐỀ CỬ**

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 NHIỆM KỲ 2026-2031**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Tổ chức/cá nhân:.....

ĐKKD/ CCCD số.....

Địa chỉ.....

Hiện đang sở hữu/đại diện.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT/ BKS tại Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và Luật doanh nghiệp, tôi/ nhóm cổ đông chúng tôi có đủ điều kiện đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT/BKS Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho tôi/ nhóm cổ đông chúng tôi được đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT/ BKS Công ty cổ phần Sông Đà 9 như sau:

Ông (Bà).....

ĐKKD/CCCD /HỘ CHIẾU..... số.....Ngày cấp.....nơi cấp.....

Địa chỉ.....

Trình độ học vấn:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Tôi/ nhóm cổ đông chúng tôi gửi các hồ sơ kèm theo đơn này.

Trân trọng cảm ơn

Hà Nội, ngày.... tháng.....năm 2026

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)



**BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG GIỚI THIỆU
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /BAN
KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 NHIỆM KỲ 2026-2031**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Căn cứ Thông báo số /CT-HĐQT ngày /04/2026 của HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 về việc giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử thành viên HĐQT/ BKS Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2026 -2031.

Chúng tôi là các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông sở hữu% cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà 9, bao gồm:

Tên cổ đông	Người đại diện phần vốn (trường hợp là cổ đông pháp nhân)	Số lượng cổ phần sở hữu tại SD9	Tỷ lệ (%) trên VDL SD9
Chiếm tỷ lệ %/Vốn điều lệ SD9		...%	

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên HĐQT công ty, chúng tôi nhất trí đề cử:

Họ và tên ứng cử viên	CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định

1. Các ứng cử viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định.
2. Chúng tôi xin gửi kèm theo thông báo này danh sách và hồ sơ có liên quan của ứng cử viên lập theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của SD9.
3. Trong trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên lạc với ông/bà, số điện thoại: là đại diện cho nhóm cổ đông.

CHỮ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS
Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2026-2031)

- Họ và tên khai sinh: Giới tính:.....
- Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:.....
- Quốc tịch:.....
- CCCD/Hộ chiếu:.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:
- Trình độ văn hóa:
- Trình độ chuyên môn:
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn, chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

11. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác

12. Chức vụ hiện tại đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm

- Kỷ luật:.....
- Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các công ty/tổ chức khác bao gồm: cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty/tổ chức)
- Quyền lợi mâu thuẫn với SD9:
- Số cổ phần được ủy quyền đại diện:
- Số cổ phần cá nhân sở hữu:
- Ứng cử viên thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

Các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây đầy đủ, chính xác và trung thực. SD9 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS của SD9 và nhằm mục đích công bố thông tin trên Website của Công ty.

Ứng cử viên hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch, thiếu sót và/hoặc chậm trễ, không cập nhật thông tin cho SD9

....., ngày.... tháng năm 2026

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm soát hoạt động đánh giá một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2025:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Ban TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, Ban Kiểm soát có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 493,7 tỷ đồng, đạt 94,9% KH
- Doanh thu : 397,8 tỷ đồng, đạt 79,6% KH
- Lợi nhuận trước thuế : 33,67 tỷ đồng, đạt 100,5% KH
- Lợi nhuận sau thuế : 31,24 tỷ đồng, đạt 116,6% KH
- Các khoản nộp NSNN : 45,0 tỷ đồng, đạt 81,8% KH
- Tỷ lệ cổ tức : dự kiến 6,0%, đạt 100% KH

Năm 2025, chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Tuy nhiên, chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, nộp NSNN chưa hoàn thành. Những nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT và Ban TGD nêu rõ và phân tích trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

2. Báo cáo tài chính năm 2025:

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025; kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp lập tại thời điểm 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2025:

- Tổng tài sản: 1.405.967.163.386, đồng
 - + Tài sản ngắn hạn: 564.707.247.733, đồng
 - + Tài sản dài hạn : 841.259.915.653, đồng
- Nguồn vốn: 1.405.967.163.386, đồng
 - + Nợ phải trả: 786.112.966.093, đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu: 619.854.197.293, đồng
- Doanh thu: 397.750.833.988, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 33.670.056.028, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 31.239.780.771, đồng

3. So sánh một số chỉ tiêu cùng kỳ năm 2025 và năm 2024:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ (%)
Sản lượng	10 ⁶ đồng	493,70	301,0	164,0%
Doanh thu	10 ⁶ đồng	397,75	301,97	131,7%
Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	33,67	26,75	125,9%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	31,24	24,84	125,8%
Tổng tài sản	10 ⁶ đồng	1.405,97	1.447,41	97,1%
Nợ phải trả	10 ⁶ đồng	786,11	836,32	94,0%
Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	619,85	611,09	101,4%
Hệ số nợ phải trả	Lần	1,27	1,37	92,7%
Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,79	1,73	103,3%
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,30	1,54	84,2%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	8,47%	8,86%	95,6%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	7,85%	8,22%	95,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,04%	4,06%	124,0%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,22%	1,72%	129,5%

Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận năm 2025 tăng so với năm 2024: sản lượng đạt 164,0%; doanh thu đạt 131,7%, lợi nhuận trước thuế đạt 125,9%, lợi nhuận sau thuế đạt 125,8%.

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 giảm 50,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024. Hệ số nợ (1,27 lần) giảm so với năm 2024 (1,37 lần) và trong ngưỡng an toàn. Theo đánh giá tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, toàn bộ khoản nợ các tổ chức tín dụng có khả năng trả nợ.

Nợ phải thu ngắn hạn giảm 42 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024; trong đó nợ phải thu khách hàng giảm 41 tỷ đồng nhưng vẫn ở mức cao (242 tỷ đồng).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2025 là 98,1 tỷ đồng, tăng 44,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi đã phản ánh vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 là: 44,2 tỷ đồng.

Chi phí lãi vay giảm 7,5 tỷ đồng so với năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã cân đối trả đủ nợ vay đến hạn.

Vốn chủ sở hữu tăng 8,7 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024.

Các chỉ số thanh toán đã được cải thiện so với năm 2024.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGD:

- Trong năm 2025, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông linh hoạt. HĐQT đã ban hành 23 Nghị quyết, Quyết định; việc ban hành đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- HĐQT nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và bất thường khác theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT đã chỉ đạo việc thu hồi công nợ, hỗ trợ Ban TGD trong việc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ lâu năm, khó đòi. Do vậy, trong năm 2025, nợ

phải thu đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, giá trị công nợ phải thu và dở dang vẫn còn lớn;

- HĐQT và Ban TGD đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- + HĐQT đã tham gia các cuộc họp với của Ban TGD với Người đại diện vốn về hoạt động sản xuất kinh doanh để nắm bắt kịp thời và đề các quyết sách phù hợp;

- + Ban TGD đã nỗ lực trong công tác điều hành, thu hồi công nợ, cân đối dòng tiền, bám sát các Nghị quyết HĐQT trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

- + Ban TGD cân đối nguồn tài chính trả nợ thuế, bảo hiểm xã hội và chi trả các chế độ cho người lao động.

- + Ban TGD chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số, tuy nhiên hiệu quả chưa cao.

- Đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, Công ty chưa chi trả cổ tức năm 2022, 2023, 2024;

- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;

- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến các chức danh quản lý trong Công ty.

IV. Kiến nghị:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban TGD:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, năng lực tổ chức quản lý thi công. Tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán. Phân tích đánh giá đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh, đầu thầu;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của Công ty và có tính khả thi cao;

- Xây dựng kế hoạch và tiếp tục tăng cường thu hồi công nợ phải thu khách hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. HĐQT tiếp tục sát sao chỉ đạo và cùng Ban TGD tích cực thu hồi công nợ, đặc biệt công nợ khó đòi. Phân tích các khoản công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban TGD tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấp hạn mức tín dụng đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 và trả nợ theo kế hoạch;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm.
- Tiếp tục rà soát để thực hiện thanh lý các tài sản hư hỏng không sử dụng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát, đánh giá năng lực các bên liên quan của tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với chủ đầu tư và các nhà thầu để đảm bảo thực hiện đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng, hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng (tiến độ thi công, thanh toán,...) để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nộp ngân sách kịp thời tránh phát sinh phạt chậm nộp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh;
- Chi trả tiền lương cho người quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả. Đảm bảo chi trả kịp thời tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;
- Xây dựng lộ trình chi trả cổ tức năm 2022, 2023, 2024 cho các cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty;
- Kịp thời khắc phục những vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan thanh, kiểm tra (nếu có).

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026:

1. Giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng và năm; báo cáo tài chính bán niên và năm; báo cáo công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Xem xét, kiểm tra sổ sách kế toán, hạch toán kế toán và các tài liệu khác; công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác (khi được mời tham dự).
8. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông.
9. Giám sát tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật của người quản lý Công ty và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD;
- KSV;
- Lưu BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Phương

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9 (ĐHĐCĐ) lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 và kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

Căn cứ ngành nghề kinh doanh và nhu cầu kiểm toán của Công ty, BKS đề xuất HĐQT các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực xây dựng theo các quy định của Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu;
- Đảm bảo hoàn thành và công bố BCTC đã được kiểm toán theo đúng thời hạn quy định với chất lượng tốt nhất.

2. Hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện theo đúng của định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

II. Đề xuất của BKS

Từ những tiêu chí trên, BKS kính trình HĐQT thường niên năm 2026 những nội dung sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2026 của Công ty, cụ thể:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn 01 (một) trong số các Công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2026 của Công ty; và giao Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Tổ chức ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng Ban
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên

Ban Điều hành, quản lý

Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thế Anh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hải Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Số: 221/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		564.707.247.733	601.387.800.541
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	96.738.719.649	57.802.163.919
Tiền	111		86.738.719.649	57.802.163.919
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.110.889.160	308.663.882.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	242.398.523.484	283.396.735.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	30.368.726.167	27.033.119.765
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	47.518.923.184	52.208.096.654
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(98.175.283.675)	(53.974.069.212)
Hàng tồn kho	140	13	230.577.749.365	216.360.442.717
Hàng tồn kho	141		230.577.749.365	216.360.442.717
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.279.889.559	18.561.310.915
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.143.380.280	1.919.254.924
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.366.596.634	15.972.616.657
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.769.912.645	669.439.334
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		841.259.915.653	846.018.233.394
Tài sản cố định	220		698.524.405.934	733.969.863.982
Tài sản cố định hữu hình	221	14	693.911.905.934	729.357.363.982
- Nguyên giá	222		1.559.464.829.574	1.652.329.264.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(865.552.923.640)	(922.971.900.620)
Tài sản cố định vô hình	227	6	4.612.500.000	4.612.500.000
- Nguyên giá	228		4.692.500.000	4.692.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.363.270.055	13.410.264.729
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7	31.363.270.055	13.410.264.729
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	90.690.703.463	90.690.703.463
Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.070.053.389)	(26.070.053.389)
Tài sản dài hạn khác	260		20.681.536.201	7.947.401.220
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	20.517.322.393	7.536.869.458
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		164.213.808	410.531.762
TỔNG TÀI SẢN	270		1.405.967.163.386	1.447.406.033.935

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		786.112.966.093	836.318.178.210
Nợ ngắn hạn	310		434.509.863.758	389.517.211.585
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	51.669.535.684	57.412.146.549
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	70.277.095.030	68.322.773.066
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.513.128.691	3.546.746.455
Phải trả người lao động	314		10.451.420.265	7.905.638.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	38.896.110.898	18.722.462.791
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		522.370.902	645.894.988
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	60.455.349.612	77.411.126.982
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	190.781.714.218	153.556.117.881
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.943.138.458	1.994.304.855
Nợ dài hạn	330		351.603.102.335	446.800.966.625
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	351.506.220.357	446.800.966.625
Dự phòng phải trả dài hạn	342		96.881.978	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	619.854.197.293	611.087.855.725
Vốn chủ sở hữu	410		619.854.197.293	611.087.855.725
Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>342.340.000.000</i>	<i>342.340.000.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.147.809.709	27.381.468.141
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>4.908.028.938</i>	<i>2.545.502.124</i>
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>31.239.780.771</i>	<i>24.835.966.017</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.405.967.163.386	1.447.406.033.935

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	366.511.778.939	278.033.269.192
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		366.511.778.939	278.033.269.192
Giá vốn hàng bán	11	24	247.715.467.023	163.053.228.816
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.796.311.916	114.980.040.376
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	21.930.993.713	23.773.119.730
Chi phí tài chính	22	26	45.922.342.656	58.265.730.429
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.870.118.377	53.348.489.314
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	67.012.394.133	48.170.140.264
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.792.568.840	32.317.289.413
Thu nhập khác	31	27	9.308.061.336	162.618.560
Chi phí khác	32	28	3.430.574.148	5.732.194.030
Lợi nhuận khác	40		5.877.487.188	(5.569.575.470)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.670.056.028	26.747.713.943
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.183.957.303	1.652.068.408
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		246.317.954	259.679.518
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.239.780.771	24.835.966.017

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		33.670.056.028	26.747.713.943
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		37.868.087.067	38.069.485.887
Các khoản dự phòng	03		44.298.096.441	29.931.473.141
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(147.692)	(46.178.711)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(31.056.630.262)	(23.726.941.019)
Chi phí lãi vay	06		45.870.118.377	53.348.489.314
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		130.649.579.959	124.324.042.555
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.857.326.079	67.121.621.278
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.217.306.648)	25.719.361.833
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20.808.391.236	(91.783.953.470)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.204.578.291)	3.977.337.416
Tiền lãi vay đã trả	14		(45.878.323.589)	(55.999.601.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(48.921.094)	(3.452.691.499)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.407.605.600)	(1.328.843.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		120.558.562.052	68.577.274.071
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.375.634.345)	(15.245.982.563)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.214.458.147	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.428.031.849)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.842.172.115	23.726.941.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.680.995.917	10.052.926.607

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		179.762.800.181	125.282.102.049
Tiền trả nợ gốc vay	34		(237.831.950.112)	(187.471.695.255)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.234.000.000)	(14.207.056.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.303.149.931)	(76.396.649.206)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		38.936.408.038	2.233.551.472
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	57.802.163.919	55.552.027.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		147.692	16.585.032
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	96.738.719.649	57.802.163.919

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 11 là ngày 14 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Toà nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu SD9.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 208 nhân viên (tại ngày 31/12/2024 là 172 nhân viên).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng bao gồm xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, buro điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con, đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất điện. Tại ngày 31/12/2025, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 905	Thôn Lù Di Sán, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính tổng hợp của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch)
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho tại Công ty và các chi nhánh được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), Hạng mục công trình (HMCT) như sau:

✓ Đối với CT, HMCT có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Tỷ lệ lãi định mức được Công ty xác định là 10% (kỳ trước là 10%). Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

✓ Đối với CT, HMCT chưa có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang đầu kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh phát sinh trong} \\ \text{kỳ của từng CT/HMCT} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 05

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚCThuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thu nhập từ Dự án thủy điện Pake được miễn thuế 04 năm (từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033) kể từ khi Dự án có thu nhập chịu thuế, hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm tính từ khi Dự án phát sinh doanh thu (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thu nhập từ các nhà máy thủy điện khác và các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế khác

Công ty và các chi nhánh phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế theo giá bán lẻ điện thương phẩm: từ 0h ngày 11/10/2024 đến 24h ngày 09/5/2025 là 2.103,1159đ theo quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11/10/2024 của Bộ Công Thương; từ 0h ngày 10/05/2025 đến 31/12/2025 là 2.204,0655 đ theo Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 và thuế suất là 5%. Công ty và các chi nhánh phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.22 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	2.672.023.314	132.704.978
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.066.696.335	57.669.458.941
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	-
Cộng	96.738.719.649	57.802.163.919

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 2 tháng tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 1,6%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.143.380.280	1.919.254.924
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.340.606	-
- Các khoản khác	1.126.039.674	1.919.254.924
b) Dài hạn	20.517.322.393	7.536.869.458
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.527.838.145	7.536.869.458
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	11.989.484.248	-
Cộng	21.660.702.673	9.456.124.382

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
31/12/2025	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	-	(80.000.000)	(80.000.000)
31/12/2025	-	(80.000.000)	(80.000.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	4.612.500.000	-	4.612.500.000
31/12/2025	4.612.500.000	-	4.612.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	31.363.270.055	13.410.264.729
- Đào và giảm tải gia cố hạ lưu bờ phải Nhà máy thủy điện Pake	24.486.659.184	13.076.710.927
- Khắc phục sau bão Nhà máy Pake	2.891.802.280	-
- Khắc phục sau bão Nhà máy Nậm Khánh	2.401.254.789	-
- Dự án Điện mặt trời hồ thủy điện Pake	1.250.000.000	-
- Công trình khác	333.553.802	333.553.802
Cộng	31.363.270.055	13.410.264.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào công ty con	85.347.816.852	-	(*)	85.347.816.852
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (1)	85.347.816.852	-	(*)	85.347.816.852
- Đầu tư vào đơn vị khác	31.412.940.000	(26.070.053.389)	(*)	31.412.940.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (2)	18.628.000.000	(18.628.000.000)	(*)	18.628.000.000
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 1 (3)	5.784.940.000	(5.784.940.000)	(*)	5.784.940.000
+ Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (4)	4.000.000.000	-	(*)	4.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong (5)	3.000.000.000	(1.657.113.389)	(*)	3.000.000.000
Cộng	116.760.756.852	(26.070.053.389)		116.760.756.852

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang nay là Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/07/2021, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu là 209.999.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu 85.347.816.852 đồng, tương đương 51% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu trong kỳ là sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện.

(2) Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ 1.862.800 cổ phiếu, tương đương 8,89% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Tầng Sông Đà.

(3) Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ 245.000 cổ phiếu, tương đương 3,38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà 1.

(4) Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ 511.110 cổ phiếu, tương đương 5,60% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội.

(5) Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ 300.000 cổ phiếu, tương đương 3,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong.

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

9. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	242.398.523.484	(74.037.069.996)	283.396.735.783	(40.395.946.367)
- Phải thu các bên liên quan	102.489.353.670	-	108.811.567.146	-
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	100.937.372.515	-	104.346.869.098	-
+ Cơ quan Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	6.733.599.933	-	2.778.555.665	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1	20.112.510.680	-	27.477.051.531	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 3	73.794.678.353	-	73.794.678.353	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu	296.583.549	-	296.583.549	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	-	503.182.908	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.410.740.135	-	1.410.740.135	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-	2.409.533.985	-
- Công ty TNHH Điện Xekaman 1	141.241.020	-	141.241.020	-
Phải thu các khách hàng khác	139.909.169.814	(74.037.069.996)	174.585.168.637	(40.395.946.367)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	49.027.407.966	(49.027.407.966)	49.627.407.966	(24.938.703.983)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Khánh An	516.710.720	-	9.346.659.810	-
- BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị TP.HCM	353.952.061	-	23.503.009.562	-
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	23.003.298.180	-	18.220.561.806	-
- Các khách hàng khác	67.007.800.887	(25.009.662.030)	73.887.529.493	(15.457.242.384)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	242.398.523.484	(74.037.069.996)	283.396.735.783	(40.395.946.367)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	30.368.726.167	(3.591.336.780)	27.033.119.765	(3.491.336.780)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Khánh An	4.292.478.337	-	1.983.391.358	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	6.360.426.512	-	8.103.239.299	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư 288 Thái Nguyên	2.700.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Nam	3.486.573.700	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	13.529.247.618	(3.591.336.780)	16.946.489.108	(3.491.336.780)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	30.368.726.167	(3.591.336.780)	27.033.119.765	(3.491.336.780)

11. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	47.518.923.184	(20.546.876.899)	52.208.096.654	(10.086.786.065)
- Phải thu các bên liên quan	-	-	3.683.489.549	-
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Tiền lãi chậm thanh toán	-	-	3.683.489.549	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	47.518.923.184	(20.546.876.899)	48.524.607.105	(10.086.786.065)
+ Các khoản ký quỹ, ký cược	3.234.800.715	-	3.079.697.707	-
+ Tạm ứng	33.327.126.006	(13.489.853.284)	32.278.756.277	(4.686.541.872)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà - Tiền thuê văn phòng	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
+ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.581.326.860	(3.681.354.012)	9.790.483.518	(2.024.574.590)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	47.518.923.184	(20.546.876.899)	52.208.096.654	(10.086.786.065)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

12. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- <i>Phải thu khách hàng</i>	74.037.069.996	-	(74.037.069.996)	69.816.991.130
+ Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	9.265.683.858	-	(9.265.683.858)	9.265.683.858
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	49.027.407.966	-	(49.027.407.966)	49.627.407.966
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dầu khí Sông Đà	4.732.340.580	-	(4.732.340.580)	4.732.340.780
+ Phải thu khách hàng khác	11.011.637.592	-	(11.011.637.592)	6.191.558.526
- <i>Trả trước cho nhà cung cấp</i>	3.591.336.780	-	(3.591.336.780)	3.491.336.780
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại dịch vụ 457	1.940.879.260	-	(1.940.879.260)	1.940.879.260
+ Các khoản ứng trước khác	1.650.457.520	-	(1.650.457.520)	1.550.457.520
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	20.546.876.899	-	(20.546.876.899)	13.770.275.614
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	3.375.669.603	-	(3.375.669.603)	3.375.669.603
+ Các khoản phải thu khác	17.171.207.296	-	(17.171.207.296)	10.394.606.011
Cộng	98.175.283.675	-	(98.175.283.675)	87.078.603.524
				33.104.534.312
				(53.974.069.212)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

13. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	21.256.503.889	-	24.628.807.818	-
- Công cụ, dụng cụ	58.301.550	-	157.902.285	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.262.943.926	-	191.573.732.614	-
+ Công trình thủy điện Xekaman 1	88.801.715.416	-	88.801.715.416	-
+ Công trình thủy điện Tân Mỹ	32.839.051.166	-	32.839.051.166	-
+ Công trình thủy điện Tân Thượng	39.050.704.448	-	39.050.704.448	-
+ Các công trình khác	48.571.472.896	-	30.882.261.584	-
Cộng	230.577.749.365	-	216.360.442.717	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	743.725.665.417	631.061.887.361	274.982.610.075	2.160.300.883	398.800.866	1.652.329.264.602
- Mua trong năm	-	1.825.568.130	539.210.889	57.850.000		2.422.629.019
- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.305.286.494)	(60.981.777.553)		-	(95.287.064.047)
31/12/2025	743.725.665.417	598.582.168.997	214.540.043.411	2.218.150.883	398.800.866	1.559.464.829.574

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2025	(218.501.238.153)	(436.915.697.475)	(265.025.354.279)	(2.130.809.847)	(398.800.866)	(922.971.900.620)
- Khấu hao trong năm	(19.675.647.720)	(14.560.663.390)	(3.618.825.169)	(12.950.788)	-	(37.868.087.067)
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.305.286.494	60.981.777.553		-	95.287.064.047
31/12/2025	(238.176.885.873)	(417.171.074.371)	(207.662.401.895)	(2.143.760.635)	(398.800.866)	(865.552.923.640)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2025	525.224.427.264	194.146.189.886	9.957.255.796	29.491.036	-	729.357.363.982
31/12/2025	505.548.779.544	181.411.094.626	6.877.641.516	74.390.248	-	693.911.905.934

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 688.829.277.592 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 742.578.589.638 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 577.855.597.321 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 669.128.298.444 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn				
- Phải trả người bán là các bên liên quan	51.669.535.684	51.669.535.684	57.412.146.549	57.412.146.549
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.244.678.527	3.244.678.527	4.488.652.491	4.488.652.491
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	-	843.973.964	843.973.964
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.040.602	2.040.602	2.040.602	2.040.602
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	597.988.387	597.988.387	597.988.387	597.988.387
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	2.344.686.867	2.344.686.867	2.544.686.867	2.544.686.867
- Phải trả các nhà cung cấp khác	299.962.671	299.962.671	499.962.671	499.962.671
+ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Khánh An	48.424.857.157	48.424.857.157	52.923.494.058	52.923.494.058
+ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Trường Thịnh	2.305.560.124	2.305.560.124	6.785.248.035	6.785.248.035
+ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Trường Thịnh	2.189.234.000	2.189.234.000	2.189.234.000	2.189.234.000
+ Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	775.869.132	775.869.132	546.494.950	546.494.950
+ Nhà cung cấp khác	43.154.193.901	43.154.193.901	43.402.517.073	43.402.517.073
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	51.669.535.684	51.669.535.684	57.412.146.549	57.412.146.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	70.277.095.030	70.277.095.030	68.322.773.066	68.322.773.066
- Ban quản lý dự án Dầu tư Xây dựng Công trình Cấp nước, thoát nước và Môi trường TP Hà Nội	54.527.140.656	54.527.140.656	54.527.140.656	54.527.140.656
- Các khách hàng khác	7.474.015.132	7.474.015.132	13.660.867.216	13.660.867.216
b) Dài hạn				
Cộng	8.275.939.242	8.275.939.242	134.765.194	134.765.194
	-	-	-	-
	70.277.095.030	70.277.095.030	68.322.773.066	68.322.773.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
VND	VND	VND	VND
291.232.674	14.462.083.510	13.224.331.362	1.528.984.822
509.363.823	2.183.957.303	48.921.094	2.644.400.032
237.735.346	1.898.276.930	1.494.071.543	641.940.733
1.080.666.617	14.275.975.689	14.055.541.730	1.301.100.576
823.578.356	2.284.663.735	2.284.663.735	823.578.356
36.476.903	5.000.000	5.000.000	36.476.903
567.692.736	869.493.641	900.539.108	536.647.269
3.546.746.455	35.979.450.808	32.013.068.572	7.513.128.691

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế tài nguyên
- Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
VND	VND	VND	VND
-	20.419.422	279.770.306	259.350.884
657.547.327	5.079.125.677	5.932.140.111	1.510.561.761
11.892.007	18.209.128	6.317.121	-
669.439.334	5.117.754.227	6.218.227.538	1.769.912.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (1)	190.781.714.218	190.781.714.218	275.057.546.449	237.831.950.112	153.556.117.881	153.556.117.881
	79.862.422.340	79.862.422.340	167.352.762.092	138.431.950.112	50.941.610.360	50.941.610.360
	79.862.422.340	79.862.422.340	167.352.762.092	138.431.950.112	50.941.610.360	50.941.610.360
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	3.214.507.521	3.214.507.521	-	-	3.214.507.521	3.214.507.521
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	107.704.784.357	107.704.784.357	107.704.784.357	99.400.000.000	99.400.000.000	99.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (2)	67.709.200.000	67.709.200.000	67.709.200.000	64.400.000.000	64.400.000.000	64.400.000.000
- Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (3)	39.995.584.357	39.995.584.357	39.995.584.357	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	351.506.220.357	351.506.220.357	13.237.338.089	108.532.084.357	446.800.966.625	446.800.966.625
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (2)	351.506.220.357	351.506.220.357	13.237.338.089	68.536.500.000	406.805.382.268	406.805.382.268
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (3)	-	-	-	39.995.584.357	39.995.584.357	39.995.584.357
Cộng	542.287.934.575	542.287.934.575	288.294.884.538	346.364.034.469	600.357.084.506	600.357.084.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/209/HĐTD ngày 12/12/2024, cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 360.000.000.000 đồng
- Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức.
- Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố thế chấp/bảo lãnh ký quỹ.

- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng số 01/2023/209/HĐTDDH ngày 28/12/2023, cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 519.705 triệu đồng
- Mục đích vay là để tái cấu trúc khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Pake.
- Lãi suất vay trong hạn là lãi suất huy động vốn lưu động 12 tháng trả sau tại thời điểm điều chỉnh biên độ.
- Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (nay là Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1607/2019/HĐHM-PN/PGBHN ngày 07/11/2019, cụ thể như sau:

- Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành, bảo lãnh.
- Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên.
- Khoản vay được cơ cấu lại theo thỏa thuận ngày 25/02/2022, theo đó khoản vay được gia hạn nợ đến 31/12/2026. Lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ.
- Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ sẽ hình thành trong tương lai không thuộc đối tượng tranh chấp

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	38.896.110.898	18.722.462.791
- Chi phí lãi vay phải trả	667.609.638	675.814.850
- Chi phí công trình	36.532.485.013	15.735.343.099
- Chi phí dự án Nhà máy CTCK Sông Đà giai đoạn 2	1.496.016.247	1.496.016.247
- Chi phí xây dựng nhà máy Thủy điện Pake	-	615.288.595
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	38.896.110.898	18.722.462.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	60.455.349.612	77.411.126.982
- Phải trả là các bên liên quan	31.041.763.200	41.055.235.200
+ Tổng Công ty Sông Đà-CTCP (tiền cổ tức)	31.041.763.200	41.055.235.200
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	29.413.586.412	36.355.891.782
+ Kinh phí công đoàn	300.313.250	55.475.068
+ BHXH, BHYT, BHTN	899.822.979	-
+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam	1.352.286.684	1.041.227.064
+ Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lào Cai	548.854.416	315.116.964
+ Cổ tức các năm trước (CTCP Sông Đà 901 cũ)	64.200.750	64.200.750
+ Cổ tức 2019 đến 2024 phải trả Cổ đông	22.020.936.800	29.124.464.800
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319.977.925	319.977.925
+ Các quỹ tự nguyện	338.665.906	371.863.860
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.568.527.702	5.063.565.351
b) Dài hạn	-	-
Cộng	60.455.349.612	77.411.126.982

Tổng cộng	VND
	595.835.436.473
	24.835.966.017
	(9.583.546.765)
	(1.025.046.765)
	(8.558.500.000)
	611.087.855.725
	611.087.855.725
	31.239.780.771
	(22.473.439.203)
	(5.356.439.203)
	(17.117.000.000)
	619.854.197.293

ty Cổ phần Sông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	200.269.440.000	200.269.440.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	142.070.560.000	142.070.560.000
Cộng	342.340.000.000	342.340.000.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	342.340.000.000	342.340.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.117.000.000	8.558.500.000

21.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.234.000	34.234.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>34.234.000</i>	<i>34.234.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.234.000	34.234.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>34.234.000</i>	<i>34.234.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

21.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	219.965.678.005	219.965.678.005
Quỹ khen thưởng	3.943.138.458	1.994.304.855
Cộng	223.908.816.463	221.959.982.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	488,61	123.790,57
Euro (EUR)	-	105,75

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán điện	185.442.022.729	175.978.094.341
- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	11.253.380.418	10.291.648.150
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	169.816.375.792	91.763.526.701
Cộng	366.511.778.939	278.033.269.192

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 34.1

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn bán điện	57.990.598.018	58.371.972.425
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	10.987.121.152	11.533.808.839
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	178.737.747.853	93.147.447.552
Cộng	247.715.467.023	163.053.228.816

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	422.172.115	164.941.019
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.420.000.000	23.562.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.673.906	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	147.692	46.178.711
Cộng	21.930.993.713	23.773.119.730

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	45.870.118.377	53.348.489.314
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	29.899.915
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	-	4.845.119.368
- Chi phí tài chính khác	52.224.279	42.221.832
Cộng	45.922.342.656	58.265.730.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.214.458.147	-
- Các khoản khác	93.603.189	162.618.560
Cộng	9.308.061.336	162.618.560

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi nộp phạt do chậm nộp thuế, BHXH	877.457.635	2.999.110.621
- Các khoản chi phí khác	2.553.116.513	2.733.083.409
Cộng	3.430.574.148	5.732.194.030

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	67.012.394.133	48.170.140.264
- Chi phí nhân viên quản lý	13.819.056.122	13.717.643.522
- Chi phí vật liệu quản lý	756.345.315	1.014.781.853
- Chi phí đồ dùng văn phòng	150.183.106	119.214.364
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	569.049.972	156.130.945
- Thuế, phí và lệ phí	1.916.444.882	1.871.088.738
- Chi phí dự phòng	44.201.214.463	25.086.353.773
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.059.853.001	818.339.299
- Chi phí bằng tiền khác	4.540.247.272	5.386.587.770
Cộng	67.012.394.133	48.170.140.264

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	82.496.667.487	20.181.978.257
- Chi phí nhân công	27.476.220.771	17.935.256.852
- Khấu hao tài sản cố định	37.299.037.095	37.913.354.942
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.737.783.051	31.539.217.530
- Chi phí bằng tiền khác	10.394.969.931	26.873.006.763
Cộng	265.404.678.335	134.442.814.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Năm 2025	Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thu nhập được ưu đãi thuế	Cộng
	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.941.385.673)	42.611.441.701	33.670.056.028
Các khoản chi phí không được khấu trừ	15.142.879.381	1.067.704.359	16.210.583.740
- Chi phí không hợp lý	3.799.697.588	-	3.799.697.588
- Chi phí lãi vay không được trừ	11.343.181.793	1.067.704.359	12.410.886.152
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	21.420.000.000	-	21.420.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	21.420.000.000	-	21.420.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(15.218.506.292)	43.679.146.060	28.460.639.768
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	10%	-
Thuế TNDN phải trả ước tính	(3.043.701.258)	4.367.914.606	1.324.213.348
Thu nhập được miễn thuế	-	2.183.957.303	2.183.957.303
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.183.957.303	2.183.957.303

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ: Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2025

Năm này	Sản xuất Công nghiệp	Xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	185.442.022.729	169.816.375.792	11.253.380.418	366.511.778.939
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.442.022.729	169.816.375.792	11.253.380.418	366.511.778.939
Giá vốn	(57.990.598.018)	(178.737.747.853)	(10.987.121.152)	(247.715.467.023)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	127.451.424.711	(8.921.372.061)	266.259.266	118.796.311.916
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(67.012.394.133)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				51.783.917.783
Doanh thu hoạt động tài chính				21.930.993.713
Chi phí tài chính				(45.922.342.656)
Thu nhập khác				9.308.061.336
Chi phí khác				(3.430.574.148)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.091.978.652)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(246.317.954)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				32.331.759.422
Tài sản không phân bổ				1.405.967.163.386
Nợ phải trả không phân bổ				785.020.987.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Năm 2024**

Năm trước	Sản xuất Công nghiệp	Xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	175.978.094.341	91.763.526.701	10.291.648.150	278.033.269.192
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.978.094.341	91.763.526.701	10.291.648.150	278.033.269.192
Giá vốn	(58.371.972.425)	(93.147.447.552)	(11.533.808.839)	(163.053.228.816)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	117.606.121.916	(1.383.920.851)	(1.242.160.689)	114.980.040.376
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(48.170.140.264)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66.809.900.112
Doanh thu hoạt động tài chính				23.773.119.730
Chi phí tài chính				(58.265.730.429)
Thu nhập khác				162.618.560
Chi phí khác				(5.732.194.030)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.652.068.408)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(259.679.518)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				24.835.966.017
Tài sản không phân bổ				1.447.406.033.935
Nợ phải trả không phân bổ				836.318.178.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

34. THÔNG TIN KHÁC**34.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con gián tiếp
- Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	Công ty cùng Tổng công ty Sông Đà – CTCP

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	3.593.582.030	2.993.966.000
- Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch HĐQT	717.000.000	546.000.000
- Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	678.000.000	570.000.000
- Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	483.804.253	410.783.000
- Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	496.000.000	421.000.000
- Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	496.000.000	410.583.000
- Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên HĐQT	91.000.000	84.000.000
- Ông Phạm Văn Quân	Thành viên HĐQT	91.000.000	84.000.000
- Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên HĐQT	91.000.000	84.000.000
- Ông Trần Thế Anh	Kế toán trưởng	449.777.777	383.600.000
Ban Kiểm soát	Chức vụ	707.571.509	612.112.036
- Bà Nguyễn Thu Phương	Trưởng ban	91.000.000	84.000.000
- Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	333.692.191	295.400.807
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên	282.879.318	232.711.229
Cộng		4.301.153.539	3.606.078.036

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	142.623.408	124.204.445
- Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	-	22.574.415.287
Giá trị xây lắp hoàn thành, mua hàng hoá dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	758.256.036	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng



Trần Thế Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

CHỖ DÁN NHŨY